

LỜI DỊCH GIẢ

Tập luận này có ba phần : Phần đầu là của Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn, phần thứ hai và thứ ba là của Thiền sư Hoàng Bá. Phần đầu hẳn là tên “**TỐI THƯỢNG THỪA LUẬN**”, phần thứ hai tên “**TRUYỀN TÂM PHÁP YẾU**”, phần thứ ba tên “**HOÀNG BÁ ĐOẠN TẾ THIỀN SƯ UYÊN LĂNG LỤC**”. Hai phần sau do Thiền sư Hoàng Bá nói ra, ông cư sĩ Bùi Hưu ghi chép lại. Rốt sau là tiểu sử Thiền sư Hoàng Bá.

Hoàng Bá là cháu bốn đời của ngũ tổ (Hoàng Bá là đệ tử Bá Trượng, Bá trượng là đệ tử Mã Tổ, Mã tổ là đệ tử Hoài Nhượng, Hoài Nhượng là đệ tử Lục Tổ Huệ Năng) Tuy ông cháu cách xa nhưng về truyền tâm ấn vẫn không thay đổi. Ngũ Tổ dạy “giữ chơn tâm” thì Ngài Hoàng Bá dạy “tin tâm này là Phật”. Ngộ chơn tâm là chơn Phật, chứng chơn tâm viên mãn là quả Phật. Giữ chơn tâm tức là tin mình có chơn Phật, hằng sống với chơn tâm, tất cả vọng tưởng đều lắng sạch, tức là viên mãn quả Phật. Vì thế, dù tên “Tối thượng thừa luận” hay “Truyền tâm pháp yếu” vẫn dạy người ngộ chơn tâm, sống với chơn tâm. Cho nên, tôi ghép cả ba phần lại mà chỉ để một tên là “Luận tối thượng thừa”.

Ngũ tổ bảo “Giữ chơn tâm”, chúng ta đừng làm cố kềm hãm tâm mình đến tiêu ma trở thành như cây như gỗ. Giữ chơn tâm, nghĩa là khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần mà không để tâm chạy theo phân biệt trần cảnh. Tâm chạy theo phân biệt trần cảnh là vọng tâm, không khởi tâm chạy theo trần cảnh, chỉ hằng biết cảnh mà không phân biệt là chơn tâm, vọng tâm và chơn tâm không xa, chỉ một phen hồi đầu là giác (Hồi đầu thị ngạn), đừng tìm kiếm, đừng cầu cạnh bên ngoài. Nếu vị nào không ngộ chơn tâm để tu hành, nên đọc kinh Lăng Nghiêm từ quyển một đến quyển tư thật kỹ, lâu ngày có thể thâm hội.

Tôi thâm nguyện cho quý đọc giả khế hội chơn tâm, để thấy Phật pháp Đại thừa là viên ngọc vô giá để tu hành đến thành Phật quả.

Pháp Lạc Thất
Đầu hạ năm 2513 PL 1969 TL
THÍCH THANH TỬ

LUẬN TỐI THƯỢNG THỪA

Người muốn tiến đến đạo Thánh hiểu ngộ chơn tâm (Thiền tông) cần phải luận rõ về “tu tâm”. Nếu không gìn giữ tâm thanh tịnh thì tất cả hạnh không do đâu nhận thấy. Mong các thiện tri thức có biên chép, dụng tâm đừng để sai lạc, e làm lầm những người sau.

Phàm người tu cần phải biết bản thể, chính nơi thân tâm này xưa nay thanh tịnh, không sanh không diệt, không có phân biệt, tâm tự tánh thanh tịnh viên mãn là Bản Sư, vượt hơn niệm mười phương Chư Phật.

Hỏi : Làm sao biết tâm mình xưa nay thanh tịnh ?

Đáp : Kinh Thập Địa nói : “Trong thân chúng sanh có Phật tánh Kim Cang”. Ví như mặt trời tròn đầy sáng suốt rộng lớn không ngăn mé. Chỉ vì bị mây đen ngũ ám che đậy, như ngọn đèn để trong bình, ánh sáng không thể chiếu soi. Thí như thế gian tám hướng mây mù đều dầy, khắp nơi đều tối tăm. Mặt trời đâu có tàn hoại, tại sao không có ánh sáng ? Ánh sáng nguyên không hoại, vì bị mây mù che. Tâm thanh tịnh của tất cả chúng sanh cũng như thế. Chỉ vì bị mây đen vin theo vọng niệm phiền não và các kiến chấp che đậy. Nếu hay giữ tâm lắng lặng, vọng niệm không sanh thì pháp Niết bàn tự nhiên hiển hiện. Cho nên biết, tâm mình xưa nay thanh tịnh.

Hỏi : Làm sao biết tâm mình xưa nay không sanh diệt ?

Đáp : Kinh Duy Ma nói : “Như không có sanh, như không có diệt”. Như là chơn như Phật tánh tự tánh thanh tịnh. Thanh tịnh là nguồn của tâm. Chơn như vốn không từ duyên sanh. Lại nói : “Tất cả chúng sanh đều Như, các Hiền Thánh cũng Như”. Tất cả chúng sanh là chúng ta vậy. Các Hiền Thánh tức là Chư Phật vậy. Danh tướng tuy khác, chơn như pháp tánh trong thân đều đồng. Không sanh không diệt nên nói đều “Như”. Thế là biết tâm mình xưa nay không sanh không diệt.

Hỏi : Sao gọi tâm mình là Bản Sư ?

Đáp : Chơn tâm này tự nhiên mà có, không từ ngoài đến, không ràng buộc trong ba đời (quá khứ, vị lai, hiện tại), chỗ chỉ thân không gì hơn tự giữ tâm này. Nếu người biết giữ tâm, giữ tâm ắt đến bờ kia. Người mê tâm, bỏ tâm thì đọa tam đồ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh). Chư Phật ba đời đều lấy tâm làm Bản Sư. Luận nói : “Rõ ràng giữ tâm thì vọng niệm không khởi, tức là vô sanh”. Cho nên biết tâm là Bản Sư.

Hỏi : Sao nói tâm mình vượt hơn niệm các Đức Phật ?

Đáp : Thường niệm các Đức Phật chẳng khởi sanh tử, giữ bản tâm mình thì đến bờ kia. Kinh Kim Cang nói : “Nếu do sắc thấy ta, do âm thanh cầu ta, người ấy hành đạo tà, không thể thấy Như Lai”. Cho nên nói “giữ chơn tâm này vượt

hơn niệm các Đức Phật”. Vượt hơn chỉ là lời nói nhằm vào sự tu hành và khuyên người, kỳ thật quả thể cứu cánh không hai.

Hỏi : Chúng sanh cùng Phật về chơn thể đã đồng, tại sao Chư Phật không sanh không diệt, thọ vô lượng khoái lạc tự tại không ngại, chúng sanh chúng ta đọa trong sanh tử chịu các thứ khổ ?

Đáp : Chư Phật mười phương ngộ đạt pháp tánh, đều tự nhiên chiếu sáng nơi nguồn tâm, vọng tưởng không sanh, chánh niệm không mất, tâm ngã sở diệt, nên được không thọ sanh tử. Không sanh tử nên rốt ráo vắng lặng, cho nên muôn cái vui đầy đủ. Tất cả chúng sanh mê chơn tánh, không biết gốc tâm, các thứ vọng duyên, không tu chánh niệm nên tâm yêu ghét đầy khởi. Do yêu ghét nên hồ tâm bị bể chảy, hồ tâm bị bể chảy nên có sanh tử, có sanh tử thì các khổ đều hiện. Kinh Tâm Vương nói : “Chơn như Phật tánh lặn trong biển sáu thức thấy biết, chìm đắm sanh tử không được giải thoát”. Cố gắng lãnh hội chỗ ấy, giữ chơn tâm thì vọng niệm không sanh, tâm ngã sở diệt, tự nhiên cùng Phật bình đẳng không hai.

Hỏi : Chơn như Phật tánh đồng một không hai, nếu mê lẽ ra đồng mê, ngộ lẽ ra đồng ngộ, tại sao Phật giác ngộ bản tánh, chúng sanh thì mờ tối, hơn đâu như vậy ?

Đáp : Từ đây về trước là vào phần bất tư nghi (không nghĩ bàn), không phải chỗ phạm phu đến. Biết tâm nên ngộ, mất tánh nên mê, duyên hiệp liền hiệp, nói không thể định, chỉ tin quả quyết gìn giữ tâm mình. Kinh Duy Ma nói : “Không tự tánh, không tha tánh, pháp xưa không sanh, nay cũng không diệt, ngộ pháp này liền lia hai bên vào trí vô phân biệt”. Nếu người hiểu được nghĩa này, chỉ khi tu biết được pháp yếu giữ tâm là bậc nhất. Ở đây nói giữ tâm là cội gốc của Niết bàn, là yếu môn vào đạo, là tông của mười hai bộ kinh, là Tổ của Chư Phật ba đời.

Hỏi : Sao biết giữ chơn tâm là cội gốc Niết bàn ?

Đáp : Thể của Niết Bàn là vắng lặng vô vi an lạc. Tâm ta đã là chơn như, vọng tưởng thì đoạn; vì đoạn vọng tưởng nên đủ chánh niệm; vì đủ chánh niệm nên trí tịch chiếu sanh; vì trí tịch chiếu sanh nên đạt tột pháp tánh; vì đạt tột pháp tánh nên được Niết bàn. Cho nên biết giữ chơn tâm mình là cội gốc Niết Bàn.

Hỏi : Sao biết giữ chơn tâm là yếu môn vào đạo ?

Đáp : Cho đến đưa một tay lên, lấy móng tay vẽ hình tượng Phật, hoặc tạo công đức như cát sông Hằng, chỉ là Phật vì giáo hóa chúng sanh không trí huệ, tạo nghiệp được quả báo thù thắng ở đời sau và gây hơn thầy Phật. Nếu người mong sớm thành Phật nên giữ chơn tâm. Trong ba đời, chư Phật nhiều vô lượng vô biên, nếu có một vị không giữ chơn tâm mà thành Phật, hoàn toàn vô lý. Cho nên kinh nói : “Cột tâm một chỗ, không việc gì chẳng xong”. Thế nên biết giữ chơn tâm là yếu môn vào đạo.

Hỏi : Sao biết giữ chơn tâm là tông của mười hai bộ Kinh ?

Đáp : Ở trong tất cả Kinh, Như Lai nói tất cả tội phước, tất cả nhân duyên quả báo, dẫn tất cả núi sông, quả đất, cỏ cây, v.v... các thứ tạp vật, đề ra thí dụ nhiều vô lượng vô biên, hoặc hiện thân thông vô lượng các thứ biến hóa, chỉ là

Phật vì giáo hóa chúng sanh không trí huệ các thứ tâm dục, tâm hành muôn vàn sai khác. Thế nên biết, Như Lai tùy cửa tâm kia dẫn vào Nhất thừa. Chúng ta đã thể nhận Phật tánh của chúng sanh xưa nay thanh tịnh, như mặt trời bị mây che. Chỉ cốt rõ ràng giữ chơn tâm, mây vọng niệm hết, mặt trời trí huệ liền hiện. Đâu cần học nhiều những cái thấy biết bị khổ sanh tử, tất cả nghĩa lý và việc trong ba đời. Ví như lau gương, bụi hết, ánh sáng tự nhiên hiện. Nay ở trong tâm vô minh mà học được, trọn không kham. Nếu hay rõ ràng không mất chánh niệm, trong tâm vô vi học được, ấy là chơn học. Tuy nói chơn học trọn không có chỗ học. Vì có sao ? Vì ta và Niết bàn cả hai đều không. Lại không hai, không một nên không có chỗ học. Pháp tánh tuy không, cần phải rõ ràng giữ chơn tâm. Vì để vọng niệm không sanh, tâm ngã sở diệt. Kinh Niết bàn nói : “Người biết Phật không nói pháp, ấy gọi là đa văn đầy đủ”. Nên biết, giữ chơn tâm là tông của mười hai bộ kinh.

Hỏi : Sao biết giữ chơn tâm là Tổ của chư Phật ba đời ?

Đáp : Chư Phật ba đời đều từ trong tâm tánh sanh. Trước do giữ chơn tâm, vọng niệm không sanh, tâm ngã sở diệt sau mới được thành Phật. Cho nên biết giữ chơn tâm là Tổ của chư Phật ba đời.

Từ đây trở lên bốn câu vấn đáp, nếu muốn nói rộng thì vô cùng. Nay tôi mong ông được tự biết bản tâm là Phật, nên ân cần khuyên ông ngàn kinh muôn luận không hơn giữ chơn tâm, đó là pháp yếu vậy. Tôi cố gắng đem kinh Pháp Hoa chỉ cho ông, những vật đại xa, bảo thành, minh châu, diệu dược, ... ông tự không nhận, không uống thì nghèo khổ, làm sao hội được. Vọng niệm không sanh, tâm ngã sở diệt thì tất cả công đức tự nhiên viên mãn. không nhờ cầu bên ngoài mà vào biển khổ sanh tử. Ở tất cả chỗ chánh niệm xét tâm, chớ thích cái vui hiện tại mà gieo thống khổ đời sau, đối mình đối người không thoát khỏi sanh tử. Cố gắng ! Cố gắng ! Nay tuy vô thường, chung gieo cái nhân thành Phật ở đời sau. Chớ để ba thời qua suông luống mất công phu. Kinh nói : “Thường ở trong địa ngục như dạo hoa viên, tại các đường ác như nhà cửa của mình”. Chúng sanh chúng ta ngày nay như thế, không biết kinh sợ kẻ giết người (Vô thường), trọn không có tâm vượt ra. Lạ thay ! Khổ thay !

Nếu có kẻ mới học tọa thiền y kinh quán Vô Lượng Thọ ngồi ngay thẳng chánh niệm, nhắm mắt ngậm miệng, tâm nhìn thẳng đến trước tùy ý xa gần, một ngày tưởng giữ chơn tâm, niệm niệm chớ trụ. Khéo điều hòa hơi thở, chớ để chột thô chột tế dễ khiến người thành bệnh. Ban đêm giờ ngồi thiền, hoặc thấy tất cả cảnh giới thiện ác, hoặc nhập các tam muội xanh, vàng, đỏ, trắng, ..., hoặc thấy thân phát ra hào quang sáng lớn, hoặc thấy thân tướng Phật, hoặc thấy các thứ biến hóa, chỉ biết nhiếp tâm chớ nên đắm trước, thấy đều là không, do vọng tưởng mà thấy vậy. Kinh nói : “Cõi nước mười phương đều như hư không, ba cõi hư dối chỉ là một tâm làm ra”. Nếu không được định, không thấy tất cả cảnh giới, cũng không nên lấy làm lạ, chỉ nên trong đi đứng ngồi nằm thường rõ ràng giữ chơn tâm. Hội được thì vọng niệm không sanh, tâm ngã sở diệt, tất cả muôn pháp không ra ngoài tâm mình. Chư Phật sở dĩ nói rộng như thế, nhiều lời dạy bảo, thí dụ, chỉ vì chúng sanh hạnh hạnh không đồng nên khiến có giáo môn sai biệt. Kỳ thực tám muôn

bốn ngàn pháp môn, vị thể của hàng Tam thừa vào đạo, hạnh tâm của bảy mươi hai vị Hiền, chẳng qua tâm mình là gốc. Nếu người hay tự biết bản tâm, niệm niệm mài luyện chớ trụ, tức tự thấy Phật tánh. Trong mỗi niệm thường cúng dường chư Phật nhiều như số cát sông Hằng ở khắp mười phương, mỗi niệm thường chuyển mười hai bộ kinh. Nếu người rõ được nguồn tâm này thì tất cả tâm nghĩa tự hiện, tất cả nguyện đầy đủ, tất cả hạnh viên mãn, tất cả đều xong, không còn thọ thân sau. Hội được thì vọng niệm không sanh, tâm ngã sở diệt, bỏ thân này rồi nhất định được vô sanh không thể nghĩ bàn. Cố gắng ! Không gì lớn bằng. Lời nói chân thật không dối như thế rất khó được nghe. Trong số chúng nhiều bằng cát sông Hằng, đâu bằng có một người nghe mà hay thực hành. Trong số kiếp úc-xoa(Nghĩa là lấy một ức năm làm một ^{kiếp, ý nói thời gian rất dài.} ít có được một người thực hành ^{đến cứu} cảnh. Khéo khéo tự an tự tịnh, khéo điều các căn, xem thấu nguồn tâm hằng khiến soi sáng thanh tịnh, chớ để tâm vô ký sanh.

Hỏi : Sao gọi là tâm vô ký ?

Đáp : Những người nhiếp tâm vì không duyên cảnh bên ngoài nên tâm thô tạm dừng chút ít; bên trong khi luyện chơn tâm. Tâm chưa được thanh tịnh, trong đi đứng ngồi nằm thường để ý xem tâm, vẫn chưa có thể rõ ràng thanh tịnh riêng soi nguồn tâm, ấy gọi là tâm vô ký. Cũng là tâm lậu, vẫn không thoát khỏi bệnh lớn sanh tử.

Huống là người trọn không giữ tâm, người ấy chìm đắm trong biển khổ sanh tử, biết ngày nào được ra ? Thật đáng thương ! Cố gắng ! Cố gắng ! Kinh nói : “Chúng sanh nếu trong không phát lòng thành, nơi ba đời, dù có gặp chư Phật như số cát sông Hằng cũng không làm được gì”. Kinh nói : “Chúng sanh biết tâm tự độ, Phật không thể độ chúng sanh”. Nếu Phật hay độ, thời quá khứ chư Phật nhiều như số cát sông Hằng, có sao chúng ta không thành Phật ? Chỉ vì ở trong không tự phát lòng thành, nên phải đắm chìm trong biển khổ. Cố gắng ! Cố gắng ! Cấp thiết cầu bản tâm, chớ để vọng lậu.

Quá khứ không biết, đã qua cũng chẳng làm gì kịp. Nay thân hiện tại được nghe diệu pháp, khuyên nhau rành rẽ hiểu rõ lời này, rõ biết giữ tâm là đạo thứ nhất, mà không chịu phát tâm chí thành cầu nguyện thành Phật thọ vô lượng tự tại khoái lạc, cứ mãi chạy theo thế tục, tham cầu danh lợi, đời sau đọa trong địa ngục lớn chịu các thứ khổ não, đem cái gì thay thế ? Làm sao ? Làm sao ? Cố gắng ! Cố gắng ! Chỉ hay mặc áo rách, ăn cơm hẩm, rõ ràng giữ chơn tâm, giả vờ người ngu không hiểu lời nói, ít tốn khí lực mà được hiệu dụng, ấy là người đại tinh tấn.

Người thế gian mê lầm không hiểu lý này, trong tâm vô minh làm nhiều việc gian khổ tu các tướng lành, mong được giải thoát mà trở lại sanh tử. Nếu người rõ ràng không mất chánh niệm mà cứu độ chúng sanh, ấy là Bồ Tát hữu lực, nói tha thiết với các ông : “Giữ tâm là bậc nhất”, nếu không siêng năng giữ tâm, thật là người quá ngu. Chẳng những một đời hiện tại chịu khổ, mà còn muôn kiếp sau này mang họa. Không biết lời gì để dằn dò ông, này : bát phong(Bát phong : Lợi, suy, hủy nhục, đề cao, khen, chê, khổ, vui.) thôi chẳng động, thật là núi trân bảo vậy ... Nếu người biết quả thể, đối với vạn cảnh khởi tác dụng như hằng sa,

biện luận như lưu, hợp bệnh cho thuốc, mà hay vọng niệm không sanh, tâm ngã sở diệt, thật là bậc đại trượng phu xuất thế, khi Như Lai còn tại thế khen ngợi không dứt. Tôi nói lời này là chí tâm khuyên ông : “Không sanh vọng niệm, tâm ngã sở diệt”, ấy là kẻ xuất thế vậy.

Hỏi : Thế nào là tâm ngã sở diệt ?

Đáp : Là có một chút tâm cho ta hơn người, tự nghĩ ta hay như thế, vì tâm ngã sở ấy là bệnh trong Niết bàn. Kinh Niết bàn nói : “Thí như hư không hay dung vạn vật, mà hư không này không tự nghĩ ta hay hàm dung như thế”. Thí dụ này để nói tâm ngã sở diệt tiến vào Kim Cang Tam Muội.

Hỏi : Các người tu cầu chơn thường vắng lặng, chỉ ưa cái thiện thô vô thường ở thế gian, không ưa cái thiện diệu là nghĩa đề thứ nhất chơn thường, lý này chưa thấy. Chỉ thấy người muốn phát tâm duyên nghĩa, bèn lo; tâm xét biết khởi lên là tâm lậu; muốn quên tâm thì trụ nơi mờ mịt vô minh, lại không hợp lý; muốn không dừng tâm, không duyên nghĩa, tức là ác-thủ-không, tuy thọ thân người mà làm hạnh súc sanh. Khi ấy, không có phương tiện định huệ, không thể hiểu rõ thấy được Phật tánh, chính là chỗ người tu chìm đắm. Nếu vì chỉ dạy vượt đến vô dư Niết bàn, xin chỉ cho chơn tâm ?

Đáp : Hội thì lòng tin đầy đủ, chí nguyện thành tựu, tâm an ổn yên lặng. Lại một lần nữa dạy ông khéo tự thân tâm yên lặng, tất cả không duyên theo cái gì, ngồi ngay thẳng chánh niệm, khéo điều hòa hơi thở, xét lại tâm này không ở trong, không ở ngoài, không ở khoảng giữa, an ổn như như, quán được yên lặng thuần thực thì thấy rõ dòng tâm thức này trôi chảy như dòng nước, sóng năng liên tục chẳng dừng. Khi thấy thức này chỉ là không ở trong, không ở ngoài, an ổn như như, quán được yên lặng thuần thực thì xoay lại tiêu dung lóng đứng rỗng lặng, thức trôi chảy này nhẹ nhàng tự diệt. Diệt được thức này rồi là diệt được cái chướng hoặc trong chúng Bồ Tát bậc Thập địa. Thức này diệt rồi tâm kia liền lóng lặng trong sạch sáng sủa an lành, tôi không thể nói hết tình trạng của nó. Ông muốn biết rõ lấy kinh Niết bàn trong quyển thứ ba, phẩm Kim Cang Thân và Kinh Duy Ma quyển thứ ba, phẩm Kiến A Súc Phật, tâm chín chắn thông thả xem xét thật kỹ sẽ thấy. Nếu người này trải lâu thật được thuần thực hay khi đi đứng ngồi nằm và đối với ngũ dục, bát phong không mất tâm ấy, người đó hạnh thanh bạch đã lập, việc làm đã xong, cứu cánh không thọ thân sanh tử. (Ngũ dục là sắc, thanh, hương, vị, xúc). Đây là người tu mãi luyện Phật tánh. Chớ lấy làm lạ thân này sao không được tự tại ? Kinh nói : “Thế gian chỗ không có Phật trụ, Bồ Tát không được hiệu dụng, cốt thoát khỏi báo thân này. Chúng sanh đời quá khứ căn cơ lợi鈍 không thể phán xét. Bậc thượng thì trong khoảng một niệm. Bậc hạ thì vô lượng kiếp. Nếu khi có lực, tùy tánh chúng sanh khởi thiện căn Bồ Tát, tự lợi lợi tha, trang nghiêm cõi Phật, cần phải hiểu rõ tứ y (Tứ y : 1. Y pháp bất y nhơn. 2. Y nghĩa bất y ngữ. 3. Y trí bất y thức. 4. Y liễu nghĩa bất y bất liễu nghĩa.) mới cùng tốt tướng thật. Nếu y văn chấp thì mất chơn tông. Các Tỳ kheo ! Các ông học xuất gia tu hành, xuất gia là ra khỏi ngục sanh tử, ấy gọi là xuất gia. Chánh niệm đầy đủ tu hành được thành, cho

đến cắt từng mảnh thân này, khi mạng sắp hết cũng không mất chánh niệm, liền được thành Phật”.

Đệ tử (Luận chủ tự xưng) từ trước đến đây biên tập luận này, thẳng do tín tâm y văn nhận nghĩa nói như thế, thật không phải rõ ràng chứng biết, nếu có trái Thánh lý xin sám hối trừ diệt. Nếu hợp với Phật đạo, hồi hướng cho chúng sanh nguyện đều biết bản tâm nhất thời thành Phật. Người nghe cố gắng sau này sẽ thành Phật, nguyện hiện tiền độ môn đồ của tôi.

Hỏi : Luận này từ đầu đến cuối đều hiển bày tâm mình là đạo, chưa hiểu trong hai môn quả, hạnh nhiếp thuộc môn nào ?

Đáp : Luận này hiển bày Nhất thừa làm tông, nhưng chí ý nó là tại đường mê, hiểu thì tự khởi sanh tử, mới hay độ người, nói thẳng tự lợi, không nói lợi tha, nhiếp thuộc về hạnh môn.

Nếu có người y văn tu hành thì hiện đời thành Phật. Nếu tôi nói dối ông thì đời sau sẽ đọa trong mười tám địa ngục, chỉ trời đất mà thề vậy. Nếu không tin tôi thì đời đời bị hổ lang ăn.



TRUYỀN TÂM PHÁP YẾU TỰA

Có vị Đại Thiên Sư pháp hiệu Hy Vận ở dưới ngọn Thửu Phong, núi Hoàng Bá huyện Cao An, Hồng Châu. Ngài là đích tôn (cháu lớn) của Tào Khê Lục Tổ, là pháp diệt (con cháu) của Bách Trượng, Tây Đường. Ngài riêng mang ấn Tối Thượng Thừa, rời văn tự, chỉ truyền dạy một tâm, không có pháp gì khác, tâm thể cũng không, muôn duyên đều lặng, như mặt trời lên trên hư không, sáng suốt chiếu soi không có một mây bụi. Người chứng đó, không mới cũ, không sâu cạn. Người nói đó, không lập nghĩa giải, không lập tông chủ, không mở cửa ngõ, thẳng đó là phải, động niệm liền trái, nhiên hậu mới là bốn Phật. Cho nên, lời nói kia rất gọn, lý ấy chỉ thẳng, đạo cao vót, hạnh này riêng biệt.

Học giả bốn phương trông núi này đua nhau đến, nhìn thấy tướng là ngộ, hải chúng (số chúng đông) tới lui thường hơn ngàn người.

Hội Xương năm thứ hai (842 TL), tôi trấn nhậm Chung Lăng (Hồng Châu) đích thân lên núi rước Ngài đến bốn châu, nghỉ ở chùa Long Hưng, sớm chiều hỏi đạo. Đại Trung năm thứ hai (848 TL), tôi dời đến Uyên Lăng (Tuyên Châu) cũng đi lễ thỉnh Ngài đến sở bộ an cư ở chùa Khai Nguyên. Tôi sớm chiều đến thọ pháp, trở về ghi lại mười phần được một hai, đeo làm tâm ấn không dám bày ra. Nay sợ e tinh nghĩa nhập thần đời sau không được nghe, bèn trao nó cho môn hạ (đệ tử) tăng Đại Châu, Pháp Kiến trở về núi xưa chùa Quảng Đường, hỏi Trưởng lão pháp chúng những ngày trước gần gũi được nghe, đồng khác thế nào.

Hà Đông
Bùi Hưu



PHÁP YẾU TRUYỀN TÂM THIÊN SƯ ĐOẠN TẾ NÚI HOÀNG BÁ

Sư bảo Huru rằng :

Chư Phật cùng tất cả chúng sanh chỉ là một tâm, không có pháp riêng. Tâm này từ vô thủy đến nay không từng sanh không từng diệt, không xanh không vàng, không hình không tướng, không thuộc có không, không kể mới cũ, chẳng dài chẳng ngắn, chẳng lớn chẳng nhỏ, vượt qua tất cả hạn lượng danh ngôn dấu vết đối đãi, chính thẳng đó là phải, động niệm liền trái. Ví như hư không không có giới hạn, không thể đo lường. Duy một tâm này tức là Phật. Phật cùng chúng sanh không riêng khác. Chỉ vì chúng sanh chấp tướng cầu bên ngoài, càng cầu càng mất, khiến Phật đi tìm Phật, đem tâm bắt tâm, mãi đời cùng kiếp trọn không thể được. Họ chẳng biết, dứt nghĩ quên tính, Phật tự hiện tiền. Tâm này tức là Phật, Phật tức là chúng sanh. Khi làm chúng sanh tâm này không giảm, khi làm chư Phật tâm này không thêm, cho đến lục độ vạn hạnh công đức như hà sa tự sẵn đầy đủ, chẳng nhờ tu mà thêm, gặp duyên liền thi thố, duyên dứt liền vắng lặng. Nếu người không quyết định tin tâm này là Phật, chấp tướng tu hành để cầu được công dụng đều vọng tưởng, cùng đạo trái nhau. Tâm này tức là Phật lại không có Phật khác, cũng không có tâm khác.

Tâm này sáng sạch ví như hư không, không có một điểm tướng mạo, khởi tâm động niệm liền trái pháp thể, tức là chấp tướng. Từ vô thủy đến nay không có Phật chấp tướng. Tu lục độ vạn hạnh muốn cầu thành Phật, tức là thứ lớp. Từ vô thủy đến nay không có Phật thứ lớp. Chỉ ngộ một tâm lại không có một chút pháp có thể được, đây tức là chơn Phật. Phật cùng chúng sanh một tâm không khác. Ví như hư không, không xen lẫn, không hư hoại. Như vàng mặt trời soi bốn phương thiên hạ. Khi mặt trời lên ánh sáng chiếu khắp cả thiên hạ, hư không không từng sáng; Khi mặt trời lặn, bóng tối che trùm thiên hạ, hư không không từng tối. Cảnh tối sáng tự đuổi cướp nhau, tánh hư không rộng lặng chẳng đổi. Phật và chúng sanh tâm cũng như thế. Nếu xem Phật thấy tướng giải thoát thanh tịnh, sáng suốt, xem chúng sanh thấy tướng như bản, tối tăm, người thấy biết như vậy trải qua số kiếp hà sa trọn không được Bồ Đề, vì chấp tướng vậy.

Chỉ một tâm này, trọn không có pháp bằng hạt bụi nhỏ có thể được, tức tâm là Phật. Như nay người học đạo không ngộ tâm thể này bèn ở trên tâm sanh tâm, hướng ra ngoài cầu Phật, chấp tướng tu hành đều là pháp ác, chẳng phải đạo Bồ đề. Cúng dường chư Phật mười phương không bằng cúng dường một đạo nhân vô tâm. tại sao ? Vì người vô tâm là không tất cả tâm, thể như như, trong như cây đá không động không lay, ngoài như hư không chẳng bít chẳng ngại, không năng sở, không chỗ nơi, không tướng mạo, không được mất, người thú hướng mà không

dám vào pháp này, sợ lạc vào không, không có chỗ nơi nương tựa, trông thấy mé ròi thối lui.

So sánh để tìm thấy biết rộng. Sở dĩ người thấy biết như lông, người ngộ đạo như sừng, Văn Thủ xứng lý, Phổ Hiền xứng hạnh. Lý là lý chơn không vô ngại. Hạnh là hạnh lia tướng không cùng. Quan Âm xứng đại từ, Thế Chí xứng đại bi, Duy Ma là Tịnh Danh. Tịnh là tánh, danh là tướng. Tánh tướng không khác nên hiệu là Tịnh Danh. Các vị Đại Bồ Tát tiêu biểu nơi người đều sẵn có, không rời một tâm, ngộ đó tức phải. Nay người học đạo không hướng trong tâm mình mà ngộ, bèn ở ngoài tâm chấp tướng theo cảnh đều trái với đạo. Cát sông Hằng, Phật nói là cát, chư Phật, Bồ Tát, Thích Phạm, chư Thiên đạp giẫm đi qua, cát cũng chẳng mừng; trâu, dê, trùn, kiến dày xéo lên trên, cát cũng chẳng giận. Trăn bảo thơm tho, cát cũng chẳng tham; phân uế hôi thối, cát cũng chẳng ghét. Tâm này tức tâm mà không tâm, lia tất cả tướng, chúng sanh chư Phật không có sai biệt, chỉ hay vô tâm liền là cứu cánh. Người học đạo nếu không thể thẳng đó vô tâm thì nhiều kiếp tu hành trọn không thành đạo, bị công hạnh Tam thừa ràng buộc, không thể được giải thoát.

Nhưng, chúng tâm này có nhanh chậm. Có người nghe pháp một niệm liền được vô tâm. Có người đến Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng mới được vô tâm. Dài hay ngắn được vô tâm mới trụ, lại không có thể tu, không có thể chứng, thật không sở đắc, chơn thật không dối. Người chỉ một niệm mà được, cùng người đến Thập địa mới được, công dụng tương đương, không có sâu cạn, chỉ là nhiều kiếp luống chịu khổ nhọc vậy.

Tạo ác, tạo thiện đều là chấp tướng. Chấp tướng tạo ác luống chịu luân hồi; chấp tướng tạo thiện luống chịu khổ nhọc nhân, thấy đều không bằng một câu nói tự nhận được bốn pháp. Pháp này tức là tâm, ngoài tâm không có pháp. Tâm này tức là pháp, ngoài pháp không có tâm. Tâm tự vô tâm, cũng không vô tâm, đem tâm cầu vô tâm, tâm trở lại thành hữu (có). Thâm khế hội mà thôi. Dứt các nghĩ bàn, nên nói dứt đường ngôn ngữ, diệt chỗ tâm hành. Tâm này là cội nguồn thanh tịnh. Phật và người đều có. Các loài bò bay máy cựa cùng chư Phật, Bồ Tát một thể không khác. Chỉ vì vọng tưởng phân biệt tạo các thứ nghiệp. Trên quả Phật sẵn có, thật không một vật, rỗng suốt vắng lặng sáng sủa, nhiệm màu an lạc. Phải sâu tự ngộ nhập, thẳng đó là phải, tròn đầy sẵn đủ không có thiếu sót.

Giả sử người tinh tấn tu hành trải qua ba vô số kiếp, qua các địa vị, cùng người do một niệm chứng được, chỉ là chứng cái sẵn có. Kỳ thực, trên Phật của mình không có thêm được một vật gì, xem lại công dụng nhiều kiếp thấy đều là việc làm trong mộng. Cho nên Như Lai nói : “Ta đối với A-Nậu Bồ-Đề (Vô Thượng Chánh Giác) thật không có sở đắc, nếu có sở đắc, Đức Phật Nhiên Đăng ắt không thọ ký cho ta”. Lại nói : “Pháp ấy bình đẳng không có cao thấp, ấy gọi là Bồ-Đề”. Tức tâm bản nguyên thanh tịnh này, chúng sanh, chư Phật, núi sông, thế giới, có tướng, không tướng, khắp cả mười phương thế giới, tất cả đều bình đẳng không có tướng ta và kia. Tâm bản nguyên thanh tịnh này thường tự tròn sáng soi

khấp, mà người đời không ngộ, chỉ nhìn thấy cái nghe hiểu biết làm tâm, bị cái thấy nghe hiểu biết che đậy, sờ dĩ không thấy được bản thể tinh minh.

Chỉ nên thẳng đó vô tâm thì bản thể tự hiện. Như vàng mặt trời lên trên hư không soi sáng khắp mười phương không có chướng ngại. Người học đạo chỉ nhận cái thấy nghe hiểu biết động tác thi vi; không dẹp cái thấy nghe hiểu biết tức là con đường tâm bật dứt không có lối vào. Chỉ nơi cái thấy nghe hiểu biết nhận bản tâm. Song bản tâm không thuộc cái thấy nghe hiểu biết, cũng không rời cái thấy nghe hiểu biết. Cốt yếu là chớ ở trên cái thấy nghe hiểu biết khởi phân biệt, cũng chớ ở trên cái thấy nghe hiểu biết mà động niệm, cũng chớ lia cái thấy nghe hiểu biết tìm tâm, cũng chớ bỏ cái thấy nghe hiểu biết mà nhận pháp. Không tức, không ly, không trụ, không trước, tung hoành tự tại đều là đạo tràng.

Người đời nghe nói “Chư Phật đều truyền tâm pháp”, cho là trên tâm riêng có một pháp có thể chứng, có thể thủ, bèn đem tâm tìm pháp. Họ không biết tâm tức là pháp, pháp tức là tâm, không thể đem tâm lại cầu tâm, trải ngàn muôn kiếp lại không có ngày được. Đâu bằng chính nơi đó vô tâm, tức là bản pháp. Như người lực sĩ quên hạt châu trên trán, hướng ra ngoài tìm kiếm, chạy khắp mười phương trọn không thể được. Người trí chỉ cho, liền đó tự thấy bản châu như cũ. Người học đạo mê bản tâm mình không nhận là Phật, bèn hướng ra ngoài tìm cầu khởi công dụng hạnh, y thứ lớp chứng, nhiều kiếp cần cầu hằng không thành đạo. Không bằng thẳng đó vô tâm, quyết định biết tất cả pháp vốn không sở hữu, cũng không sở đắc, không y không trụ, không năng không sở, không động vọng niệm, liền chứng Bồ đề. Đến khi chứng đạo, chỉ là chứng bản tâm, Phật nhiều kiếp dụng công đều là tu suông, như lực sĩ khi được châu chỉ được hạt châu sẵn trên trán, không quan hệ gì sức chạy ra ngoài tìm cầu. Cho nên Phật nói : “Ta đối A-Nậu Bồ-Đề thật không sở đắc”. Sợ e người không tin nên dẫn ngũ nhãn đã thấy, năm câu đã nói, chơn thật không dối là đệ nhất nghĩa đế.

Người học đạo chớ nghi tứ đại làm thân, tứ đại không ngã (không thường còn và làm chủ), ngã cũng không chủ, cho nên biết thân này không ngã cũng không chủ. Chớ nghi năm ấm làm tâm, năm ấm không ngã cũng không chủ, cho nên tâm này không ngã cũng không chủ. Sáu căn, sáu trần, sáu thức hòa hợp sanh diệt cũng lại như vậy. Mười tám giới đã không thì tất cả đều không, chỉ có bản tâm thanh tịnh trong sạch.

Có thức thực, có trí thực. Thân tứ đại là bệnh ghẻ đói, tùy thuận nuôi dưỡng không sanh tham đắm, gọi là trí thực. Buông lung ý, chấp mùi vị vọng sanh phân biệt, chỉ cầu món ngon không sanh nhàm chán, gọi là thức thực.

Thịnh văn là nhơn tiếng được ngộ, nên gọi là Thịnh văn. Bởi không rõ tự tâm, nên trên lời dạy sanh hiểu biết, hoặc nhơn thần thông, hoặc nhơn tướng tốt, ngôn ngữ vận động, nghe có Bồ đề Niết bàn tu hành trải qua ba vô số kiếp mới thành Phật đạo, đều thuộc đạo Thịnh văn, gọi đó là Thịnh văn. Phật duy chỉ thẳng chóng rõ tự tâm xưa nay là Phật, không có một pháp có thể được, không có một hạnh có thể tu, đây là đạo vô thượng, đây là chơn như Phật. Người học đạo chỉ sợ

một niệm có, tức cùng đạo ngăn cách, niệm niệm không tướng, niệm niệm vô vi, tức là Phật. Người học đạo nếu muốn thành Phật thì tất cả Phật pháp thấy đều không dụng học, chỉ học không cầu, không đấm trước. Không cầu tức tâm không sanh, không đấm trước tức tâm không diệt, không sanh không diệt tức là Phật. Tám muôn bốn ngàn pháp môn đối trị tám muôn bốn ngàn phiền não, chỉ là môn giáo hóa tiếp dẫn. Vốn không tất cả pháp, lìa tức là pháp, người biết lìa là Phật. Chỉ lìa tất cả phiền não là không pháp có thể được.

Người học đạo muốn được biết yếu quyết thì chớ ở trên tâm để một vật nói là Phật. Chơn pháp thân ví như hư không. Đây là dụ pháp thân tức hư không, hư không tức pháp thân. Người thường bảo pháp thân đầy khắp hư không, trong hư không gồm chứa pháp thân. Họ không biết pháp thân tức hư không, hư không tức pháp thân. Nếu quyết định nói có hư không thì hư không chẳng phải pháp thân. Nếu quyết định nói có pháp thân thì pháp thân chẳng phải hư không. Chớ khởi hiểu hư không thì hư không tức pháp thân. Chớ khởi hiểu pháp thân thì pháp thân tức hư không. Hư không cùng pháp thân không có tướng khác. Phật cùng chúng sanh không có tướng khác. Sanh tử cùng Niết bàn không có tướng khác. Phiền não cùng Bồ đề không có tướng khác. Lìa tất cả tướng tức là Phật.

Phàm phu chấp cảnh, Đạo nhơn chấp tâm. Tâm cảnh cả hai đều quên mới là chơn pháp. Quên cảnh vẫn dễ, quên tâm rất khó. Người không dám quên tâm, sợ rơi vào chỗ không, không sờ mó đến. Không biết không vốn chẳng không, chỉ một chơn pháp giới. Tánh linh giác này từ vô thủy đến nay tuổi đồng với hư không, chưa từng sanh, chưa từng diệt, chưa từng có, chưa từng không, chưa từng uế, chưa từng tịnh, chưa từng ồn náo, chưa từng vắng lặng, chưa từng bé, chưa từng già, không chỗ nơi, không trong ngoài, không số lượng, không hình tướng, không sắc tượng, không âm thanh, không thể tìm, không thể cầu, không thể dùng trí huệ mà biết, không thể dùng ngôn ngữ mà nhận, không thể dùng cảnh vật mà hội, không thể dùng dụng công mà đến. Chư Phật, Bồ tát cùng tất cả hàm linh xuân động đồng tánh đại niết bàn này. Tánh tức là tâm, tâm tức là Phật, Phật tức là pháp. Một niệm lìa chơn đều là vọng tưởng. Không thể đem tâm lại tìm tâm, không thể đem Phật lại cầu Phật, không thể đem pháp lại cầu pháp. Người học đạo thẳng đó vô tâm, thâm khế hội mà thôi. Nghĩ tâm tức là sai, lấy tâm truyền tâm đây là chánh kiến. Dè dặt chớ hướng ra ngoài, chạy theo cảnh, nhận cảnh làm tâm là nhận giặc làm con. Vì có tham, sân, si nên lập giới, định, huệ. Vốn không có phiền não thì đâu có bồ đề. Cho nên Tổ sư nói : “Phật nói tất cả pháp vì trừ tất cả tâm, ta không tất cả tâm đâu dùng tất cả pháp”. Trên bốn nguyên thanh tịnh Phật lại không để một vật. Ví như hư không, dù lấy trần bảo vô lượng để trang nghiêm, trọn không thể được. Phật tánh đồng hư không, dù lấy công đức trí huệ vô lượng để trang nghiêm, trọn không thể được. Chỉ mê bản tánh bèn không thấy vậy. Nói rằng “Pháp môn tâm địa” là muôn pháp đều y tâm này dựng lập, gặp cảnh tức có, không cảnh tức không, không thể trên tánh tịnh lại khởi biết cảnh. Nói định huệ là quán dụng thì rõ ràng vắng lặng tinh tảo, thấy nghe hiểu biết đều phải. Trên cảnh khởi hiểu, tạm vì người trung hạ căn nói thì được. Nếu muốn thân chứng đều

không thể khởi thấy hiểu như thế, toàn là cảnh pháp, có chỗ lặn mất thì lặn mất ắt có nơi. Chỉ đối tất cả pháp không khởi thấy có không, tức là thấy pháp.

Từ Đại Sư Đạt Ma đến Trung Quốc chỉ nói một tâm, chỉ truyền một pháp. Lấy Phật truyền Phật chẳng nói Phật khác, lấy pháp truyền pháp, chẳng nói pháp khác. Pháp tức là pháp không thể nói, Phật tức là Phật không thể thủ mới là tâm bản nguyên thanh tịnh vậy. Chỉ một việc này thật, có hai cái khác thì chẳng phải chơn. Bát nhã là huệ, huệ này tức là bốn tâm vô tướng. Phàm phu không đến đạo, chỉ buông lung sáu tình là đi trong sáu đạo. Người học đạo một niệm chấp sanh tử liền rơi vào ma đạo; một niệm khởi các kiến (các thứ thấy biết khác) liền rơi vào ngoại đạo, thấy có sanh tiền đến diệt liền rơi vào Thịnh Văn đạo; chẳng thấy có sanh, chỉ thấy có diệt, liền rơi vào Duyên Giác đạo; không khởi cái thấy có hai, chẳng chán chẳng ưa, tất cả các pháp chỉ là một tâm, nhiên hậu mới là Phật thừa.

Phàm phu đều theo cảnh sanh tâm, tâm bèn ưa chán. Nếu muốn không cảnh phải quên tâm ấy. Tâm quên tức là cảnh không, cảnh không tức là tâm diệt. Nếu không quên tâm mà chỉ trừ cảnh thì cảnh không thể trừ, càng thêm lãng xăng. Cho nên muôn pháp chỉ là tâm, tâm cũng không thể được, lại cầu cái gì ? Người học bát nhã không thấy một pháp có thể được, dứt ý nơi Tam thừa, chỉ một chơn thật không thể chứng được. Bảo là ta hay chứng hay đắc đều là người tăng thượng mạn. Trên hội Pháp Hoa phải áo ra đi, đều là bọn người này. Phật nói : “Ta đối với Bồ đề thật không sở đắc”, Thâm khế hội mà thôi.

Phàm nhơn khi sắp mạng chung chỉ quán năm uẩn đều không, bốn đại vô ngã, chơn tâm không tướng, chẳng đi chẳng đến, khi sanh tánh cũng chẳng đến, khi tử tánh cũng chẳng đi, yên lặng tròn bất, tâm cảnh nhất như. Chỉ hay quán như thế liền đó chóng liễu ngộ. Chẳng bị ba đời ràng buộc bèn là người xuất thế. Dù người không được ít phần thú hưởng, nếu thấy tướng lành, chư Phật đến đón và các thứ hiện trước cũng không khởi tâm đi theo; nếu thấy tướng dữ và các thứ hiện trước cũng không sanh tâm kinh sợ; chỉ tự quên tâm đồng với pháp giới liền được tự tại, đây tức là tiết yếu vậy. Nói Hóa thành đó, Nhị thừa và Thập địa, Đẳng giác, Diệu giác, đều là giáo quyền lập để tiếp dẫn, thấy là Hóa thành. Nói Bảo sở đó là bảo chơn tâm, bản Phật, tự tánh, cái bảo này không thuộc về tình lượng, không thể kiến lập, không Phật, không chúng sanh, không năng không sở, chỗ nào có thành ? Nếu hỏi : Đây đã là Hóa thành, chỗ nào là Bảo sở ? Bảo sở không thể chỉ, chỉ tức có chỗ nơi, không phải là chơn Bảo sở. Cho nên nói “Ở gần” mà thôi. Không thể định lượng nơi đó, chỉ chính đây khế hội là phải.

Nói xiển đề đó, lòng tin không đủ vậy. Tất cả chúng sanh trong sáu đạo cho đến Nhị thừa không tin có Phật quả, đều gọi là đoạn thiện căn xiển đề. Bồ Tát đó, tin sâu có Phật pháp không thấy có Đại thừa, Tiểu thừa, Phật cùng chúng sanh đồng một pháp tánh gọi là thiện căn xiển đề.

Đại đề, nhơn nghe giáo mà ngộ gọi là Thịnh Văn, quán nhơn duyên mà ngộ gọi là Duyên Giác. Nếu không hướng trong tâm mình mà ngộ, tuy đến thành Phật cũng gọi là Phật Thịnh Văn. Người học đạo phần nhiều đối trên pháp giáo mà ngộ,

không ở trên tâm pháp mà ngộ, tuy trải nhiều kiếp tu hành trọn không phải là bản Phật. Nếu không nơi tâm mà ngộ, chỉ đối trên giáo pháp mà ngộ tức là khinh tâm trọng giáo, bèn thành theo khối (theo hình tướng) mà quên bản tâm. Cho nên chỉ khế hội bản tâm, chẳng cần cầu pháp, tâm tức là pháp vậy.

Phàm nhơn phần nhiều bị cảnh ngại tâm, sự ngại lý, thường muốn trốn cảnh để an tâm, đuổi sự để còn lý, không biết chính là tâm ngại cảnh, lý ngại sự. Chỉ khiến tâm không, cảnh tự không, chỉ khiến lý lặng sự tự lặng, chớ dụng tâm lộn ngược. Phàm nhơn phần nhiều không chịu không tâm, sợ rơi vào không, chẳng biết tâm mình vốn không. Người ngu trừ sự không trừ tâm, người trí trừ tâm không trừ sự. Bồ Tát tâm như hư không, tất cả đều xả, làm những việc phước đức đều không tham trước. Nhưng, xả có ba bậc : trong ngoài thân tâm tất cả đều xả, ví như hư không, không có chỗ thủ trước, nhiên hậu tùy phương tiện làm lợi ích chúng sanh, năng sở đều quên, ấy là đại xả. Nếu một bên hành đạo bữa đức, một bên lại xả không có tâm mong cầu. Ấy là trung xả. Nếu rộng tu các việc thiện có chỗ mong cầu, nghe pháp biết không nên mới không trước, ấy là tiểu xả.

Đại xả như cây đuốc sáng để ở trước, lại không có mê ngộ. Trung xả như cây đuốc sáng để một bên, hoặc sáng hoặc tối. Tiểu xả như cây đuốc sáng để phía sau, không thấy hầm hố. Cho nên, Bồ Tát tâm như hư không tất cả đều xả; quá khứ tâm không thể được là quá khứ xả, hiện tại tâm không thể được là hiện tại xả, vị lai tâm không thể được là vị lai xả. Nên nói : “Ba thời đều xả”.

Từ đức Như Lai trao pháp cho Tô Ca Diếp đến nay, lấy tâm ấn tâm, tâm tâm không khác. Ấn (con dấu) in trong hư không thì in không thành dấu. Ấn in nơi vật tức ấn không thành pháp. Cho nên lấy tâm ấn tâm, tâm tâm không khác. Năng ấn và sở ấn đều khó khế hội nên người được ít. Song, tâm tức vô tâm, được tức không được.

Phật có ba thân : Pháp thân nói pháp tự tánh rỗng suốt, Báo thân nói pháp tất cả thanh tịnh, Hóa thân nói pháp lục độ vạn hạnh. Pháp thân nói pháp không thể dùng ngôn ngữ, âm thanh hình tướng văn tự mà cầu, không có nói, không có chứng, tự tánh rỗng suốt mà thôi. Cho nên nói : “Không pháp có thể nói, ấy gọi là nói pháp”. Báo thân, Hóa thân này đều tùy cơ cảm mà hiện, có nói pháp cũng tùy sự hợp cơ để vì nhiếp hóa đều không phải là chơn pháp. Cho nên nói : “Báo, Hóa không phải chơn Phật, cũng không phải nói pháp”(Hai đoạn dẫn kinh đều là kinh Kim Cang.).

Nói “đồng là một tinh minh phân làm sáu hòa hợp”(Kinh Lăng Nghiêm.). Một tinh minh là một tâm. Sáu hòa hợp là sáu căn. Sáu căn này mỗi cái cùng trần hợp. Mắt cùng sắc hợp, tai cùng tiếng hợp, mũi cùng mùi hợp, lưỡi cùng vị hợp, thân cùng xúc hợp, ý cùng pháp hợp. Khoảng giữa sanh sáu thức là mười tám giới. Nếu rõ mười tám giới không thật có, trói sáu hòa hợp làm một tinh minh. Một tinh minh là tâm vậy. Người học đạo đều biết cái này. Chỉ không thể khỏi cái hiểu “một tinh minh và sáu hòa hợp”, bèn bị pháp trói không thể khế hội bản tâm. Như Lai ra đời muốn nói nhất thừa chơn pháp, ắt chúng sanh không tin sanh ra hủy

báng chìm trong biển khổ, nếu hoàn toàn không nói thì mắc lỗi xan tham, chẳng vì chúng sanh chỉ dạy diệu đạo. Ngài bèn lập phương tiện nói có ba thừa, thừa có Đại Tiểu, được có cạn sâu đều không phải là bốn pháp. Cho nên nói “chỉ có đạo Nhất thừa, có hai chẳng phải chơn”(Kinh Pháp Hoa). Nhưng, vẫn chưa có thể hiển bày một tâm pháp, cho nên triệu Ca Diếp đồng trong pháp tòa riêng trao một tâm pháp rồi nói năng, một nhánh pháp này khiến riêng thực hành. Nếu người hay kẻ ngộ liền đến Phật địa.

Hỏi : Thế nào là đạo ? tu hành thế nào ?

Đáp : Đạo là vật gì mà ông muốn tu hành ?

Hỏi : Các nơi Tông sư truyền nhau tham thiền học đạo là thế nào ?

Đáp : Lời tiếp dẫn kẻ độn căn, chưa có thể y cứ.

Hỏi : Đây là lời tiếp dẫn kẻ độn căn, chưa biết tiếp dẫn người thượng căn lại nói pháp gì ?

Đáp : Nếu là người thượng căn, tại sao lại đến người khác mà tìm, tự mình còn không thể được hưởng là riêng có pháp xứng tình. không thấy trong kinh nói : “pháp pháp hình trạng gì ?”.

Hỏi : Nếu như vậy hoàn toàn không cần tìm kiếm ?

Đáp : Nếu cùng mài thì sức tâm tỉnh giác.

Hỏi : Như thế thì lẫn thành đoạn tuyệt, không thể là không ?

Đáp : Ai dạy kia không ? kia là cái gì ông nghĩ tìm kia ?

Hỏi : Đã không cho tìm, cứ sao lại nói “chớ đoạn kia” ?

Đáp : Nếu không tìm liền thôi, ai dạy ông đoạn ? ông thấy hư không ở trước mắt, làm thế nào để đoạn nó ?

Hỏi : Pháp này có thể đồng với hư không chẳng ?

Đáp : Hư không sớm chiều đến, ông nói có đồng có khác với ta chẳng ? Chỉ tạm nói như thế, ông bèn nhắm vào nó mà sanh hiểu.

Hỏi : Lý ung cùng người sanh hiểu chẳng ?

Đáp : Tôi không từng chứng ông, cốt cái hiểu thuộc về tình, tình sanh thì trí cách.

Hỏi : Ở trong đó chớ sanh tình phải chẳng ?

Đáp : Nếu không sanh tình ai nói là phải ?

Hỏi : Vừa nhằm chỗ Hòa Thượng nói ra, là tại sao lại rơi vào nói năng ?

Đáp : Ông tự là người không hiểu lời nói, có cái gì là rơi vào ?

Hỏi : Từ trên đến đây nói nhiều như thế đều là lời phản lại, hoàn toàn chưa từng chỉ bày thật pháp cho người ?

Đáp : Thật pháp không điên đảo, nay chỗ hỏi của ông tự sanh điên đảo, tìm thật pháp chỗ nào ?

Hỏi : Đã là chỗ hỏi tự sanh điên đảo thì chỗ đáp của Hòa Thượng thế nào ?

Đáp : Ông hãy tự lấy gương soi mặt mình, chớ xem sóc người khác. Chỉ giống như con chó ngu thấy có tiếng động là sủa, không phân biệt gió thổi hay cây cỏ động.

Về Thiên tông tôi đây từ các bậc tiền bối trao truyền đến nay, không từng dạy người cầu hiểu cầu biết, chỉ nói “học đạo” là lời để tiếp dẫn. Nhưng, đạo cũng không thể học, còn nghĩ học hiểu trở thành mê đạo. Đạo không có chỗ nơi gọi tâm Đại thừa. Tâm này không ở trong, ngoài, chặn giữa, thật không có chỗ nơi, hay nhất là không được khởi hiểu biết.

Chỉ nói với ông chỗ tình lượng hiện nay, tình lượng nếu hết thì tâm không chỗ nơi. Đạo thiên chơn này vốn không danh tự. Bởi vì thế gian không biết, mê ở trong tình, sợ dĩ chư Phật ra đời nói để phá việc này, sợ e các ông không rõ, quyền lập tên “Đạo”. Không thể nhận tên sanh hiểu, nên nói “được cá quên nôm”. Thân tâm tự nhiên đạt đạo, biết tâm, đạt nguồn cội hiệu là Sa môn. Quả Sa môn là dứt duyên lự mà thành, không phải từ học mà được. Ông nay đem tâm cầu tâm, bên cạnh nhà người chỉ toan học lấy, có khi nào được. Người xưa tâm lanh lợi vừa nghe một câu bèn dứt học, sợ dĩ nói là “tuyệt học vô vi nhân đạo nhơn”. Người thời nay chỉ muốn được biết nhiều hiểu rộng, rộng cầu văn nghĩa, bảo là tu hành, không biết biết nhiều hiểu rộng trở thành bít láp. Chỉ cần biết nhiều sánh với trẻ con ăn tô ăn sữa, trọn không biết tiêu cùng chẳng tiêu.

Người học đạo Tam thừa đều giống như thế, chung gọi là ăn không tiêu. Nên nói : “Hiểu biết không tiêu đều là thuộc độc”. Hoàn toàn nằm trong sanh diệt mà lấy, trong chơn như trọn không có việc này. Nên nói “trong kho vua của ta không có đạo như thế”. Từ trước có tất cả chỗ hiểu biết cần phải dẹp sạch, khiến không lại không phân biệt tức là Không-Như-Lai-Tạng. Như Lai tạng lại không một mảy bụi có thể có, tức là vị Pháp Vương phá hữu xuất hiện ở thế gian, cũng nói rằng : “Ta ở chỗ Phật Nhiên Đăng không có một chút pháp có thể được”. Lời nói này chỉ là không. Tình lượng hiểu biết của ông cần được tiêu dụng, trong ngoài tình hết, trọn không y chấp là người vô sự. Cương yếu giáo lý Tam thừa chỉ là thứ thuộc hợp cơ, tùy nghi nói ra, tạm thời lập bày, mỗi mỗi không đồng, chỉ cần rõ biết thì không bị mê hoặc là hay bậc nhất. Không được bên một cơ, một giáo chấp văn nhận hiểu. Tại sao như thế ? Thật không có pháp nhất định Như Lai có thể nói. Tông môn của tôi đây chẳng bàn việc này, chỉ biết dứt tâm liền thôi, không cần suy trước tính sau.

Hỏi : Từ trước đến nay đều nói “tức tâm là Phật”, chưa biết tức tâm nào là Phật ?

Đáp : Ông có bao nhiêu thứ tâm ?

Hỏi : Tức tâm phàm là Phật hay tức tâm Thánh là Phật ?

Đáp : Ông chỗ nào có tâm phàm thánh ?

Hỏi : Nay trong Tam thừa nói có phàm thánh, Hòa Thượng đâu được nói không ?

Đáp : Trong Tam thừa rõ ràng nói với ông “tâm phàm thánh là vọng”, nay ông không hiểu trở lại chấp là có, đem không làm thật, đâu không phải là vọng, vọng nên mê tâm. Ông chỉ trừ dẹp tình phàm cảnh thánh, ngoài tâm không có Phật khác. Tổ Sư từ Ấn Độ đến, chỉ thẳng mọi người toàn thể là Phật. Nay ông không biết chấp phàm chấp thánh, nhằm ngoài chạy tìm, trở lại mê tâm mình, vì thế nên đến ông nói “tức tâm là Phật”. Một niệm tình sanh liền sa vào cõi khác, từ vô thủy đến giờ không khác ngày nay. Không có pháp khác nên gọi thành Đẳng Chánh Giác.

Hỏi : Hòa Thượng nói “tức” là đạo lý gì ?

Đáp : Tìm đạo lý gì ? Vừa có đạo lý bèn tức tâm khác.

Hỏi : Trên nói “từ vô thủy đến giờ không khác ngày nay”, lý này thế nào ?

Đáp : Chỉ vì tìm nên ông tự khác người, ông nếu không tìm thì chỗ nào có khác ?

Hỏi : Đã là không khác sao lại phải nói “tức” ?

Đáp : Ông nếu không nhận phàm thánh thì ai đến ông nói “tức”, tức như không tức, tâm cũng chẳng tâm, nên trong ấy tâm tức đều quên, người nào lại nghĩ, nhằm chỗ nào tìm ?

Hỏi : Vọng hay chướng tâm mình, chưa biết nay nên lấy cái gì dẹp vọng ?

Đáp : Khởi vọng, dẹp vọng cũng thành vọng. Vọng vốn không gốc, chỉ nhơn phân biệt mà có, ông chỉ nên đối hai chỗ phàm thánh tình chấp hết, tự nhiên không vọng. Nếu vì dẹp nó trọn không được có một mảy y chấp, gọi là “ta bỏ hai cánh tay ắt sẽ được Phật”.

Hỏi : Đã không y chấp thì truyền trao thế nào ?

Đáp : Lấy tâm truyền tâm.

Hỏi : Nếu tâm truyền nhau tại sao nói tâm cũng không ?

Đáp : Không được một pháp gọi là truyền tâm, nếu rõ tâm này tức là không tâm không pháp.

Hỏi : Thế nào là truyền ?

Đáp : Ông nghe nói truyền tâm bèn cho là có khả đắc. Sở dĩ Tổ Sư nói : “Khi nhận được tâm tánh nên nói không nghĩ bàn, rõ ràng không sở đắc, khi được không nói biết”. Việc này nếu đem dạy ông đâu kham lãnh hội.

Hỏi : Như hư không ở trước mắt, thật không phải cảnh, sao không chỉ cảnh để thấy được tâm ?

Đáp : Tâm gì mà dạy ông nhằm trên cảnh thấy ? Giả sử ông thấy được chỉ là cái tâm chiếu cảnh. Như người dùng gương soi mặt, tất nhiên thấy được mày mắt rõ ràng, nguyên lai chỉ là bóng dáng, đâu quan hệ gì việc của ông ?

Hỏi : Nếu không nhơn chiếu khi nào được thấy ?

Đáp : Nếu vậy liên hệ đến nhơn thường phải nhờ vật, có khi nào được liễu ngộ. Ông không thấy người đến ông nói : “Buông tay thợ người không một vật, luống công dôi nói mấy ngàn điều”.

Hỏi : Nếu người hiểu rồi chiếu cũng không vật sao ?

Đáp : Nếu là không vật thì cần gì phải chiếu, ông nếu mở mắt thì nói hết ngủ.

Ngài thượng đường bảo :

Biết nhiều trăm thứ, chẳng bằng không cầu, tốt bậc nhất vậy. Đạo nhơn là người vô sự, thật không có những tâm nhiều ấy, cũng sự không có đạo lý gì có thể nói. Vô sự giải tán đi.

Hỏi : Thế nào là thế đế ?

Đáp : Nói nhánh nhóc ấy làm gì ? Xưa nay thanh tịnh đâu nhờ nói năng vấn đáp, chỉ không tất cả tâm liền gọi là trí vô lậu. Ông mỗi ngày đi đứng ngồi nằm tất cả nói năng, chớ đấm pháp hữu vi, nói ra nháy mắt thấy đồng vô lậu. Như nay nhằm đời mạt pháp, phần nhiều người học thiền học đạo đều đấm tất cả thanh sắc, sao không cùng ta mỗi tâm đồng hư không đi, như cây khô hòn đá đi, như tro tàn lửa tắt đi, mới có một ít phân tương ứng. Nếu không như thế, hôm nào sẽ bị Diêm Vương dẫn ông đi.

Ông chỉ lia hẩn các pháp hữu vô, tâm như vàng mặt trời trong hư không, ánh sáng tự nhiên không chiếu mà chiếu, không phải là việc của sức phản tỉnh. Khi đến đây thì không chỗ nương tựa, tức là làm hạnh của chư Phật, bèn là “nên không có chỗ trụ mà sanh tâm kia”. Đây là pháp thân thanh tịnh của ông, gọi là A-Nậu Bồ-đề (Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác). Nếu không lãnh hội được ý này, dù ông học được biết nhiều, siêng năng khổ nhọc tu hành, áo cỏ ăn cây, không biết tâm mình đều gọi là hạnh tà, quyết định sẽ làm quyến thuộc của thiên ma, tu hành như thế sẽ có ích lợi gì ? Chí Công nói : “Phật vốn tâm mình làm, đâu được trong văn tự câu”. Dù ông học được Tam Hiền Tứ Quả, Thập địa mãn tâm, cũng chỉ là ngồi trong phàm thánh, không thấy đạo. Các hạnh vô thường là pháp sanh diệt, thế lực hết thì tên lại rơi xuống, chiêu cảm quả đời sau không như ý. Đâu bằng môn thật tướng vô vi, một phen vượt lên thẳng đến địa vị Như Lai. Vì ông không thể như người kia nên cần đến hóa môn của cổ nhân, học hiểu cho rộng.

Chí Công nói : “Không gặp minh sư xuất thế, uống uống pháp dược Đại thừa”. Ông hiện nay trong tất cả thời đi đứng ngồi nằm chỉ học vô tâm, lâu ngày sẽ thật đắc. Vì ông lực lượng kém không thể đón siêu, cần được ba năm, năm năm hoặc mười năm phải được chỗ vào, tự nhiên hội giải. Nếu ông không thể như thế, thiết tha đem tâm học thiền học đạo, Phật pháp có gì liên hệ ? Cho nên nói : “Như Lai nói ra đều vì giáo hóa người, như nắm lá vàng bảo là vàng để võ trẻ con khóc, quyết định không thật”. Nếu có thật đắc thì không phải người khách trong Tông môn của ta, vả lại cùng bản thể của ông có gì liên hệ ? Cho nên kinh nói : “Thật không có chút pháp có thể được gọi là A-Nậu Bồ-đề”.

Nếu như hội được ý này mới biết Phật đạo ma đạo đều lầm. Chỗ xưa nay thanh tịnh trong sáng, không tướng vuông tròn, lớn nhỏ, dài ngắn, v.v... Vô lậu vô vi không mê không ngộ, rõ ràng thấy không một vật, không người cũng không Phật, “hạt bọ trong biển đại thiên sa giới, tất cả thánh hiền như điện chớp”. Tất cả không bằng tâm chơn thật pháp thân, từ xưa đến nay cùng Phật Tổ đồng một loại, chỗ nào thiếu kém một máy lông ? Đã hội được ý như thế cần phải cố gắng trọn một đời này thôi, hơi thở ra không bảo đảm trở vào !

Hỏi : Lục Tổ không hiểu Kinh sách sao được truyền y làm Tổ, Thượng tọa Tú là thủ tọa của năm trăm người, làm thầy giáo thọ, giảng được ba mươi hai bốn kinh luận, tại sao không được truyền y ?

Đáp : Vì kia (Tú) có tâm là pháp hữu vi, có tu có chứng cho là phải. Ngũ Tổ trao cho Lục Tổ, Lục Tổ khi ấy chỉ nhằm khế hội, được thâm trao ý thậm thâm của Như Lai. Sở dĩ truyền y cho Ngài ông chẳng thấy nói :

**Pháp bốn pháp vô pháp
Vô pháp pháp diệt pháp
Kim phó vô pháp thời
Pháp pháp hà tăng pháp**

Dịch :

Pháp bốn pháp là không pháp
Pháp không pháp cũng là pháp
Nay trao cái không pháp này
Mỗi pháp đâu từng là pháp

Nếu hội được ý này mới là kẻ xuất gia, mới là tu hành tốt. Nếu không tin tại sao Thượng tọa Minh chạy đến ngọn Đại Dữu tìm Lục Tổ, Lục Tổ hỏi : “Người đến cầu việc gì, vì cầu y vì cầu pháp ?”. Thượng tọa Minh nói : “Không vì y mà đến, chỉ vì pháp mà đến”. Lục Tổ bảo : “Ông hãy tạm thời liễm niệm, thiện ác đều chớ nghĩ tính”. Thượng tọa Minh nhận lời này. Lục Tổ bảo : “Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, chính khi ấy hiện lại bộ mặt thật của Thượng tọa Minh khi cha mẹ chưa sanh”. Thượng tọa Minh ngay câu nói đó bỗng nhiên thâm khế hội, bèn lễ bái thưa : “Như người uống nước, lạnh nóng tự biết, tôi ở trong hội Ngũ Tổ uống dùng công phu ba mươi năm, ngày nay mới biết lỗi trước”.

Lục Tổ bảo : “Khi đến đây mới biết Tổ Sư từ Ấn Độ đến, chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật, không ở nói bàn”. Đâu không thấy Tổ A-Nan hỏi Tổ Ca-Diếp : “Thế Tôn ngoài truyền kim lan (y xiêm), còn riêng truyền pháp gì ?”, Ca-Diếp gọi : “A-Nan”. A-Nan đáp : “Dạ !”, Ca-Diếp bảo : “Cột phước trước chùa ngã lật ngược”. Đây là chỗ bộc lộ của Tổ Sư vậy. Ngài A-Nan ba mươi năm làm thị giả chỉ vì trí huệ đa văn bị Phật quở : “Người ngàn ngày học huệ, không bằng một ngày học đạo. Nếu không học đạo, một nhỏ nước cũng không tiêu”.

Hỏi : Thế nào được không rơi vào giai cấp ?

Đáp : Chỉ hằng ngày ăn cơm mà chưa từng nhai một hạt gạo trắng, trọn ngày đi mà chưa từng đạp một cân đất, cùng khi ấy không có tướng nhơn, tướng ngã, ..., trọn ngày không rời tất cả việc mà không bị các cảnh mê hoặc, mới gọi là người tự tại. Lại, lúc nào mỗi niệm đều không thấy tất cả tướng, chớ nhận ba thời trước sau, quá khứ không đi, hiện tại không dừng, vị lai không đến, ngồi ngay an ổn mặc tình không câu chấp, mới gọi là người giải thoát. Cố gắng ! Cố gắng ! Trong môn này ngàn người, muôn người chỉ được ba người, năm người. Nếu không làm việc này, ắt có ngày thọ ương. Cho nên nói : “Cố gắng đời nay phải xong xuôi, còn đâu nhiều kiếp mang tai họa”.



HOÀNG BÁ ĐOẠN TẾ THIÊN SƯ

UYÊN LẶNG LỤC

Bùi Tướng Công hỏi Ngài :

Trong núi bốn năm trăm người, bao nhiêu người được pháp của Hòa Thượng ?

Ngài đáp :

Người được không thể tính hết số, vì sao ? Vì đạo do tâm ngộ, không tại lời nói, nói năng chỉ là để giáo hóa kẻ đồng mộng (trẻ thơ).

Hỏi : Thế nào là Phật ?

Đáp : Tức tâm là Phật, không tâm là đạo. Chỉ không có cái tâm khởi tâm động niệm, có không, ngắn dài, ta người, năng sở, ... Tâm vốn là Phật, Phật vốn là tâm. Tâm như hư không, sở dĩ nói “chơn pháp thân của Phật ví như hư không”. Không nên cầu riêng, có cầu đều khổ. Giả sử trải qua số kiếp như cát sông Hằng, tu hành lục độ vạn hạnh được Phật Bồ đề cũng không phải cứu cánh. Vì cố sao ? Vì thuộc về Nhơn duyên tạo tác, Nhơn duyên nêu hết trở lại vô thường. Sở dĩ nói : “Báo, Hóa không phải chơn Phật, cũng không phải nói pháp”. Cốt biết tâm mình không ngã không Nhơn, xưa nay là Phật.

Hỏi : Thánh Nhơn không tâm tức là Phật, phàm phu không tâm đâu không chìm nơi không lặng ?

Đáp : Pháp không có phàm thánh, cũng không có chìm lặng. Pháp vốn chẳng có, chớ khởi thấy không; pháp vốn chẳng không, chớ khởi thấy có. Có cùng với không đều là tình kiến (thấy biết theo tình chấp), ví như huyền ế (như huyền thuật, như mắt bệnh). Sở dĩ nói : **“Thấy nghe như huyền ế, tri giác là chúng sanh”**. Trong môn này Tổ Sư chỉ nói **“đứt cơ quên kiến”**, nên nói **“quên cơ thì Phật đạo thạnh, phân biệt thì quân ma lừng”**.

Hỏi : Tâm đã xưa nay là Phật, lại cần tu lục độ vạn hạnh chăng ?

Đáp : Ngộ tại tâm không quan hệ gì lục độ vạn hạnh. Lục độ vạn hạnh đều là cửa hóa đạo, là việc bên tiếp vật độ sanh. Giả sử Bồ đề, chơn như, thực tế, giải thoát, pháp thân thẳng đến Thập địa, bốn quả vị Thánh đều là cửa hóa độ, không quan hệ Phật tâm. Tâm tức là Phật nên nói : “Tất cả trong cửa tiếp độ Phật tâm là bậc nhất”. Chỉ không tâm sanh tử phiền não ... Tức không cần đến pháp Bồ đề ... Nên nói : “Phật nói tất cả pháp, độ tất cả tâm, ta không tất cả tâm, đâu dùng tất cả pháp”. Từ Phật đến Tổ không luận việc gì khác, chỉ luận một tâm, cũng nói là “Nhất thừa”. Nên nói “tìm kỹ mười phương lại không có thừa khác, chúng sanh này không còn nhánh lá, chỉ có các hạt chắc”. Bởi vì ý này khó tin nên Tổ Đạt Ma

sang xứ này đến hai nước Lương, Ngụy, chỉ có một mình Huệ Khả Đại Sư thâm tín tâm mình, ngay một câu nói liền lãnh hội “Tức tâm là Phật”. Thân tâm đều không, ấy là đại đạo. Đại đạo xưa nay bình đẳng, nên nói “tin sâu chúng hàm sanh đồng một chơn tánh, tâm tánh không khác, tức tánh tức tâm, tâm không khác tánh, gọi đó là Tổ”. Lại có câu “khi nhận được tâm tánh, nên nói không nghĩ bàn”.

Hỏi : Phật độ chúng sanh chăng ?

Đáp : Thật không chúng sanh Như Lai độ, ngã còn không thể có, phi ngã làm sao có ? Phật cùng chúng sanh đều không thể có. Phạm có tướng đều là hư vọng, nếu thấy các tướng phi tướng là thấy Như Lai. Phật cùng chúng sanh đều do ông khởi vọng kiến, chỉ vì không biết bản tâm, đối khởi thấy biết, vừa khởi thấy Phật liền bị Phật chướng, vừa khởi thấy chúng sanh, liền bị chúng sanh chướng. Khởi thấy phạm, thánh, tịnh, uế ... thì cái thấy thành những chướng ấy. Vì chướng tâm ông trọn thành luân hồi, ví như con khi chân này buông, chân kia nắm, không khi nào dứt. Nhất đẳng là học, cần phải không học, không phạm không thánh, không sạch không dơ, không nhỏ không lớn, vô lậu vô vi. Như thế trong một tâm, phương tiện khuyến trang nghiêm. Dù ông học được Ba thừa mười hai phần giáo, tất cả cái thấy biết thấy nên dẹp bỏ, nên nói “dẹp bỏ sở hữu, chỉ để một giường nghỉ bệnh mà nằm”(Kinh Duy Ma.). Chỉ là không khởi các kiến chấp, không một pháp có thể được, không bị pháp chướng, vượt khỏi tam giới và cảnh giới phạm thánh mới được gọi là Phật xuất thế. Nên nói : “Đánh lễ như không chẳng chỗ nương, vượt hơn ngoại đạo, tâm đã chẳng khác, pháp cũng chẳng khác, tâm đã vô vi, pháp cũng vô vi”.

Muôn pháp trọn do tâm biến nên nói : “Tâm ta không, nên các pháp không, ngàn phạm muôn loại thấy đều đồng. Tột không giới mười phương đồng một tâm thể”. Tâm vốn không khác, pháp cũng không khác. Chỉ vì ông thấy biết chẳng đồng nên có sai biệt. Ví như chư Thiên đồng bát ăn báu, mà tùy phước đức mỗi vị, cơm có màu sắc khác. mười phương chư Phật thật không có một chút pháp khá được gọi là A-Nậu Bồ đề. Chỉ là một tâm, thật không có tướng khác, cũng không ánh sáng, không có hơn thua. Vì không hơn nên không tướng Phật. Vì không thua nên không tướng chúng sanh.

Hỏi : Tâm đã không tướng, đâu được hoàn toàn không ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp hóa độ chúng sanh ?

Đáp : Ba mươi hai tướng thuộc về tướng, phạm có tướng đều hư vọng. Tám mươi vẻ đẹp thuộc về sắc, nếu do sắc thấy ta, ấy là hành đạo tà, không thể thấy Như Lai.

Hỏi : Phật tánh cùng chúng sanh tánh là đồng hay khác ?

Đáp : Tánh không đồng khác. Nếu nhằm giáo Ba thừa có nói Phật tánh, chúng sanh tánh, nên có hơn quả Ba thừa, tức có đồng khác. Nếu nhằm Phật thừa và Tổ Sư truyền nhau, không nói việc như thế, chỉ có một tâm, không đồng không khác, không hơn không quả. Nên nói “chỉ đạo Nhất thừa này, không hai cũng không ba, trừ Phật phương tiện nói”.

Hỏi : Bồ Tát thân vô biên, tại sao không thấy đánh tướng của Như Lai ?

Đáp : Thật không thể thấy. Vì có sao ? Vì Bồ Tát thân vô biên chính là Như Lai, Chẳng lẽ lại thấy ... Chỉ dạy ông không khởi chấp thấy Phật thì không rơi bên Phật; Không khởi chấp thấy chúng sanh thì không rơi bên chúng sanh; Không khởi chấp thấy có thì không rơi bên có; không khởi chấp thấy không thì không rơi bên không; không khởi chấp thấy phạm thì không rơi bên phạm; không khởi chấp thấy thánh thì không rơi bên thánh; nếu không các kiến chấp tức là thân vô biên. Nếu có chỗ kiến chấp tức là ngoại đạo. Ngoại đạo ưa các kiến chấp. Bồ Tát đối các kiến chấp không động. Như Lai tức nghĩa “Như” của các pháp. Nên nói : “Di Lặc cũng như, các Thánh Hiền cũng như, như tức không sanh, như tức không diệt, như tức không thấy, như tức không nghe”. Đánh của Như Lai tức là cái thấy tròn, cũng không cái thấy tròn, nên không rơi bên thấy tròn. Do đó thân Phật vô vi không rơi vào các số, tạm lấy hư không làm dụ, tròn đồng thái hư không thiếu không dư, rảnh rang vô sự, chớ gắng biện cảnh ấy, biện đến bèn thành thức. Nên nói : “Viên thành chim biển thức, trôi lặn tự bỗng bay”(Là loại cỏ bỗng, bỗng nhẹ gặp gió thì bay bỗng theo gió.). Chỉ bảo ta biết vậy, học được vậy, khế hội vậy, giải thoát vậy, có đạo lý vậy. Chỗ mạnh ắt như ý, chỗ yếu ắt không như ý. Cái thấy biết ấy có dùng vào chỗ gì ? Tôi nói với ông, rảnh rang vô sự chớ đối dụng tâm. Chẳng cần cầu chơn, chỉ phải dứt kiến chấp. Nên nói : “Thấy trong thấy ngoài đều làm, Phật đạo ma đạo đều ác”. Cho nên Ngài Văn Thù vừa khởi thấy hai liền thấy hai ngọn núi Thiết Vi. Văn Thù tức là thật trí, Phổ Hiền tức là quyền trí. Quyền thật đối trị nhau, cứu cánh không có quyền thật, chỉ là một tâm. Tâm chẳng phải Phật. Chẳng phải chúng sanh, không có thấy khác. Vừa có thấy Phật liền thấy chúng sanh, thấy có thấy không, thấy thường thấy đoạn bèn thành hai ngọn núi Thiết Vi, bị cái thấy che ngại. Tổ Sư chỉ thẳng tất cả chúng sanh bản tâm, bản thể xưa nay là Phật, chẳng nhờ tu mà thành, chẳng thuộc thứ lớp dần dần, chẳng phải sáng tối. Chẳng phải sáng nên vô minh, chẳng phải tối nên vô ám, nên nói : **“Không vô minh cũng không hết vô minh”**. Vào Tông môn tôi đây cần yếu tại ý như thế. Thấy được gọi đó là pháp, thấy pháp nên gọi đó là Phật, Phật pháp đều không, gọi đó là Tăng. Kêu là Tăng vô vi, cũng gọi là Nhất thể Tam Bảo. Phạm người cầu pháp không nên chấp nơi Phật mà cầu, chẳng chấp nơi Pháp mà cầu, chẳng chấp nơi chúng Tăng mà cầu, nên không có chỗ cầu. Không chấp nơi Phật cầu nên không Phật; không chấp nơi Pháp cầu nên không Pháp; không chấp nơi chúng Tăng cầu nên không Tăng.

Hỏi : Nay thấy Hòa Thượng nói Pháp thì đâu thể nói không Tăng cũng không Pháp ?

Đáp : Nếu ông thấy có Pháp nên nói, tức là lấy âm thanh cầu ta, nếu thấy có ta tức là xứ sở, Pháp cũng không Pháp, Pháp tức là tâm. Tổ Sư nói : “Khi trao tâm pháp này, pháp pháp đâu từng pháp”. không pháp không bản tâm mới hiểu tâm tâm pháp. Thật không một pháp có thể được gọi là ngôi đạo tràng. Đạo tràng chỉ là không khởi các kiến chấp. Ngộ pháp vốn không, gọi là Không-Như-Lai-Tăng.

Xưa nay không một vật, chỗ nào dính bụi bặm. Nếu được ý trong đây, tiêu điều đâu có chỗ bàn.

Hỏi : Xưa nay không một vật, không vật là phải chăng ?

Đáp : Không cũng chẳng phải, Bồ đề không chỗ ấy, cũng không không hiểu biết.

Hỏi : Sao là Phật ?

Đáp : Tâm ông là Phật, Phật tức là tâm, tâm Phật không khác. Nên nói “tức tâm là Phật”. Nếu lia tâm ra không có Phật khác.

Hỏi : Nếu tâm mình là Phật. Tổ Sư từ Ấn Độ sang truyền thọ thế nào ?

Đáp : Tổ Sư từ Ấn Độ sang chỉ truyền tâm Phật, chỉ thẳng tâm các ông xưa nay là Phật, tâm tâm không khác nên gọi là Tổ. Nếu thẳng đó thấy ý này tức chóng vượt khỏi Tam thừa tất cả các vị, xưa nay là Phật không nhờ tu hành.

Hỏi : Nếu như vậy, chư Phật mười phương ra đời nói pháp gì ?

Đáp : Chư Phật mười phương ra đời chỉ cùng nói một tâm pháp. Vì thế, Phật thâm trao cho Đại Ca-Diếp một tâm pháp thể này. Tột hư không khắp pháp giới gọi là lý luận chư Phật, pháp ấy đâu phải ông ở trên ngôn cú mà hiểu được, cũng không phải ở trên một cơ một cảnh mà thấy được. Ý này chỉ là thâm khế hội. Một môn ấy gọi là pháp môn vô vi. Nếu muốn hội được chỉ biết không tâm, chợt ngộ liền được. Nếu dụng tâm nghĩ học lấy thì càng đi xa. Nếu không tâm chia chẻ, không tất cả tâm thủ xả, tâm như cây đá, mới có phần học đạo.

Hỏi : Như hiện nay có các thứ vọng niệm làm sao nói không ?

Đáp : Vọng vốn không thể, tức là tâm ông khởi lên. Nếu ông biết tâm ông là Phật, tâm vốn không vọng, đâu có khởi tâm lại nhận là vọng ? nếu ông không sanh tâm động niệm, tự nhiên không vọng. Sở dĩ nói “Tâm sanh thì các thứ pháp sanh, tâm diệt thì các thứ pháp diệt”.

Hỏi : Nay chính khi vọng niệm khởi, Phật ở tại chỗ nào ?

Đáp : Nay khi ông biết vọng khởi, biết ấy chính là Phật. Vì thế, nếu không vọng niệm thì Phật cũng không. Tại sao như vậy ? Vì ông khởi tâm chấp thấy Phật, bèn bảo có Phật nên thành. Chấp thấy chúng sanh, bèn bảo có chúng sanh nên độ, khởi tâm động niệm thấy là chỗ thấy của ông. Nếu không tất cả thấy thì Phật có chỗ nào ? như Văn Thù vừa khởi thấy Phật liền liếc thấy hai ngọn núi Thiết Vi.

Hỏi : Nay chính khi ngộ Phật ở chỗ nào ?

Đáp : Hỏi từ đâu đến, biết từ đâu khởi, nói nín động tịnh, tất cả thình sắc, đều là Phật sự, chỗ nào lại tìm Phật ? không thể trên đầu lại để thêm đầu, trên mỏ lại để thêm mỏ (mỏ chim). Chỉ chớ sanh kiến chấp khác thì núi là núi, nước là nước, Tăng là Tăng, tục là tục, núi sông, quả đất, mặt trời, mặt trăng, sao, thấy đều không ngoài tâm ông. ba ngàn thế giới trọn là tự thể của ông, chỗ nào có nhiều thứ ? ngoài tâm không pháp, khắp thấy núi xanh, hư không thế giới rõ ràng mà không có bằng mây tơ sợi tóc cho ông sanh hiểu biết, nên nói “tất cả thình sắc là mắt huệ của Phật”. Pháp không khởi riêng, nương cảnh mới sanh,

vì vật nhiều có trí nhiều. Trợn ngày nói mà đâu từng nói, trợn ngày nghe mà đâu từng nghe, nên nói “Thích-Ca bốn mươi chín năm nói pháp mà chưa từng nói một chữ”.

Hỏi : Nếu như vậy, chỗ nào là Bồ đề ?

Đáp : Bồ đề không phải chỗ. Phật cũng không được Bồ đề, chúng sanh cũng không mất Bồ đề, không thể do thân mà được. Không thể lấy tâm mà cầu. Tất cả chúng sanh tức là tướng Bồ đề.

Hỏi : Thế nào là phát tâm Bồ đề ?

Đáp : Bồ đề không sở đắc, nay ông chỉ phát tâm không sở đắc, quyết định không được một pháp, tức là tâm Bồ đề. Bồ đề không có chỗ trụ, thế nên không có đắc, nên nói “Ta ở nơi Phật Nhiên Đăng không có một chút pháp có thể được, Phật liền thọ ký cho Ta”. Biết rõ tất cả chúng sanh vốn là Bồ đề, không lẽ lại được Bồ đề. Nay ông nghe nói phát tâm Bồ đề, bèn cho là có một tâm học làm Phật. Chỉ nghĩ làm Phật, dù ông tu ba a-tăng-kỳ kiếp cũng chỉ là Phật báo thân, hóa thân cùng với Phật chơn tánh bản nguyên của ông có gì liên hệ, nên nói “câu Phật có tướng bên ngoài cùng ông không tương tợ”.

Hỏi : Xưa đã là Phật, sao lại có tứ sanh, lục đạo các thứ hình mạo chẳng đồng ?

Đáp : Chư Phật thể tròn không tăng giảm, trôi vào lục đạo mỗi chỗ đều tròn, trong muôn loài mỗi mỗi đều là Phật. Ví như có viên thủy ngân, phân tán các chỗ, mỗi mảnh đều tròn, nếu khi không phân chỉ là một khối. Đây là một tức tất cả, tất cả tức một. Các thứ hình mạo dụ như nhà cửa, bỏ nhà lửa vào nhà người, bỏ thân người đến thân trời, cho đến nhà Thịnh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật đều là chỗ lấy bỏ của ông. Do đó có sai khác chớ tánh bản nguyên đâu có sai khác.

Hỏi : Chư Phật thể nào hành đại từ bi vì chúng sanh thuyết pháp ?

Đáp : Phật từ bi là vô duyên nên gọi đại từ. Từ là không thấy có Phật để thành. Bi là không thấy có chúng sanh để độ. Phật thuyết pháp là không nói không dạy. Người nghe pháp là không nghe không được, ví như huyễn sĩ vì người huyễn nói pháp. Pháp ấy nếu vì nói, ta từ thiện tri thức ngay một câu liền nhận được, hội được, ngộ được, cái ấy là từ bi. Nếu ông khởi tâm động niệm học được hiểu biết của người, không phải là tự ngộ bản tâm, rốt ráo vô ích.

Hỏi : Thế nào là tinh tấn ?

Đáp : Thân tâm không khởi ấy gọi là đệ nhất dũng mãnh tinh tấn. Vừa khởi tâm hướng ngoại tìm cầu, gọi là Ca Lợi Vương, Di hầu yêu bọ (Di hầu ^{yêu bọ} : Bầy khi ở trên cây cạnh bờ sông, thấy khối bọt nước do ánh nắng mặt trời chiếu lóng lánh bên đũa nhau nhảy xuống vớt. Kết quả đều chết chìm.). Tâm không chạy ra ngoài là tiên ^{nhon nhẵn nhục}. Thân tâm đều không, tức là Phật đạo.

Hỏi : Nếu không tâm hành, đạo này được chăng ?

Đáp : Không tâm tức là hành đạo này, lại nói cái gì được cùng chẳng được ? Vả lại vừa khởi một niệm bèn là cảnh, nếu không một niệm tức là cảnh mất, tâm cũng tự diệt, không cần lại tìm kiếm.

Hỏi : Thế nào là xuất tam giới ?

Đáp : Thiện ác đều chớ suy nghĩ, ngay chỗ ấy liền xuất tam giới. Như Lai ra đời vì phá ba cõi, nếu không tất cả tâm, tam giới cũng chẳng có. Như một hạt bụi đập làm trăm phần, chín mươi chín phần là không, một phần là có, thì pháp Đại thừa không thể xuất hiện, trăm phần đều không thì pháp Đại thừa mới hay xuất hiện.

Sư thượng đường nói : Tức tâm là Phật, trên đến chư Phật, dưới đến các loài bò bay máy cựa đều có Phật tánh, đồng một tâm thể. Sở dĩ Tổ Đạt Ma từ Ấn Độ sang chỉ truyền một tâm pháp, chỉ thẳng tất cả chúng sanh xưa nay là Phật. Chẳng nhờ tu hành. Chỉ như hiện nay biết nhận tâm mình, thấy bản tánh mình, chớ cầu cái gì khác. Thế nào biết tâm mình ? Chính hiện nay nói năng đó tức là tâm ông. Nếu không nói năng cũng không có tác dụng của tâm thể thì giống hệt như hư không, không có tướng mạo, cũng không chỗ nơi, cũng không một bề là không hay có, cũng không thể thấy. Tổ Sư nói : “Chơn tánh tâm địa tàng, không đâu cũng không đâu, ứng duyên mà hóa vật, phương tiện gọi là trí. Nếu khi chẳng ứng duyên, không thể nói nó là có không, chính khi ứng duyên cũng không dấu vết”. Đã biết như thế, hiện nay chỉ nhằm trong không chỗ nương tựa, tức là đi con đường chư Phật. Kinh nói : “Nên không có chỗ trụ mà sanh tâm kia”.

Tất cả chúng sanh luân hồi sanh tử do ý duyên tâm chạy rong ra ngoài, nơi sáu đạo không dừng đến phải chịu các thứ khổ. Kinh Tịnh Danh nói : “Người khó giáo hóa tâm như khí vượn, cho nên dùng bao nhiêu thứ pháp chế ngự tâm kia, nhiên hậu mới điều phục”. Nên nói “Tâm sanh các thứ pháp sanh, tâm diệt các thứ pháp diệt”. Cho nên biết tất cả pháp đều do tâm tạo, cho đến trời, người, tu la, địa ngục, ... sáu đạo, trọn do tâm tạo. Hiện nay chỉ học không tâm, chớ dứt các duyên, chớ sanh vọng tưởng phân biệt, không người không ta, không tham không sân, không yêu không ghét, không hơn không thua. Trừ hết những thứ vọng tưởng này tánh tự xưa nay thanh tịnh, tức là tu hành pháp Bồ đề, Phật ... Nếu không hội ý này, dù ông học rộng, siêng năng khổ hạnh tu hành, ăn cây mặc lá mà không biết tâm đều gọi là hạnh tà, sau này sẽ thành thiên ma ngoại đạo và các vị thần trong nước, trên đất, tu hành như thế sẽ có lợi ích gì ? Ngài Chí Công nói : “Bản thể là tâm mình nhận, đâu thể trong văn tự tìm”. Nay chỉ nhận tâm mình, dùng bất nghĩ tính, vọng tưởng trần lao tự nhiên không sanh. Kinh Tịnh Danh nói : “Chỉ để một giường bệnh mà nằm” tức là tâm không khởi vậy. Nay nằm bệnh, các phan duyên đều dứt, vọng tưởng diệt sạch tức là Bồ đề. Nếu trong tâm lăng xăng chẳng định, dù ông học đến các vị Tam thừa, Tứ quả, Thập địa, chỉ là đến trong chỗ phạm thánh mà ngồi, các hạnh hết trở lại vô thường, thế lực đều có khi hết. Ví như bắn tên trong không, sức đẩy hết lại rơi xuống đất, trở lại vào trong sanh tử luân hồi. Người tu hành như thế không hiểu ý Phật luống chịu khổ nhọc, đâu không phải làm to ! Ngài Chí Công nói : “Chưa gặp thầy sáng ra đời, uống uống thuốc pháp

Đại thừa”. Hiện nay chỉ trong tất cả thời đi đứng ngồi nằm chuyên học không tâm, không phân biệt, không nương tựa, không trụ trước, trọn ngày mặc tình lạng lẽ, giống hệt người ngu, người đời hoàn toàn không biết ông, ông cũng chẳng cần dạy cho người biết hay chẳng biết, tâm như hòn đá nhẵn không tì vết, tất cả pháp vượt qua tâm ông không thùng, cao vót không dính mắc, như thế mới có ít phần tương ứng.

Vượt qua được cảnh tam giới gọi là Phật ra đời. Tâm tướng không chảy gọi là trí vô lậu. không tạo nghiệp người, trời, không tạo nghiệp địa ngục, không khởi tất cả tâm, các duyên hết chẳng sanh, tức thân tâm này là người tự tại. Không phải một bề không sanh, chỉ là tùy ý mà sanh. Kinh nói : “Bồ Tát có thân ý sanh” ấy vậy. Nếu như chưa lãnh hội “không tâm”, chấp tướng mà tạo tác đều thuộc về nghiệp quý, cho đến làm Phật sự Tịnh độ thấy đều thành nghiệp, gọi là Phật chương. Vì chương tâm ông nên bị nhơn quả quản thúc, đứng đi đều không có phần tự do ... Vì thế pháp Bồ đề ... vốn không phải có, Như Lai nói ra đều vì giáo hóa người, ví như cầm lá vàng nói là vàng để vỗ trẻ con khóc. Cho nên thật không có pháp gọi là A-Nậu Bồ đề.

Nếu đã lãnh hội được ý này, đâu cần phải ở chỗ riêng rẽ, chỉ tùy duyên tiêu nghiệp cũ, lại chớ tạo nghiệp mới trong tâm sáng rõ, nên nói “khi xưa thấy biết cần phải dẹp sạch”. Kinh Tịnh Danh nói : “Trừ bỏ đã có”. Kinh Pháp Hoa nói : “Trong mười hai năm thường dạy trừ phần”. Chỉ là trừ bỏ chỗ thấy biết trong tâm, lại nói “dẹp trừ phần hý luận”. Vì thế, Như Lai tàng vốn tự không lạng trọn không dung chứa một pháp, nên kinh nói “cõi nước chư Phật cũng đều không”.

Nếu nói Phật đạo tu học mà được, thấy biết như thế hoàn toàn không liên hệ. Hoặc tạo một cơ một cảnh, nương mà chớp mắt, chỉ vì đối người đương cơ nói để khế hội. Được chứng ngộ thiên lý, chợt gặp một người không hiểu bèn nói, trọn không biết đối cơ người kia, nếu họ được đạo lý trong tâm liền hoan hỷ, nếu bị người khác chiết phục không bằng họ, trong tâm ôm ấp buồn bã. Người học thiên tâm ý như thế có gì được liên hệ. Dù ông hội được ít phần đạo lý, chỉ là được cái tâm sở pháp, thiện đạo không liên hệ. Sở dĩ Tổ Đạt Ma mặt xây vô vách, đều khiến cho người không có chỗ thấy, nên nói : “quên cơ là Phật đạo, phân biệt là cảnh ma”.

Tánh này dù khi ông mê cũng không mất, khi ngộ cũng không được, tự tánh thiên chơn vốn không mê ngộ, hư không giới khắp mười phương nguyên lai là một tâm thể của ta. Dù ông động dụng tạo tác đâu rời hư không, hư không xưa nay không lớn không nhỏ, vô lậu vô vi, không mê không ngộ, thấy rõ ràng không một vật, cũng không người không Phật, nếu có lượng bằng mảnh tơ, cũng không nương tựa, không ràng rịt. Một đạo trong sạch trôi chảy là tự tánh, Pháp nhẵn vô sanh đâu có nghĩ bàn. Chơn Phật không miệng chẳng biết nói pháp, thật nghe không tai thì cái gì được nghe ? Trân trọng !

Một hôm, sư thượng đường chỉ dạy đại chúng : Về trước, nếu đập không thấu triệt, đêm ba mươi tháng chạp (giờ lâm chung) đến rồi, bắt buộc ông bứt rứt rối loạn.

Có một bọn ngoại đạo vừa thấy người nói tập công phu bèn cười lạt bảo : “Vẫn còn cái đó”. Tôi hỏi ông bỗng nhiên giờ mạng chung sắp đến, ông lấy cái gì để chống cự sanh tử ? Ông hãy suy nghĩ xem, có đạo lý nào được gọi Di Lạc trời sanh, Thích-Ca tự nhiên ư ? Có một bọn thần lười, quý rồi vừa thấy người có chút bệnh, bèn bảo : “Ông hãy buông xuôi đi !”. Đến khi bọn ấy mắc bệnh, đem chỗ lý hội áp dụng chẳng được. Tay chân co rút rối loạn, mặc sức da thịt ông đau nhức như dao cắt, làm chủ không được. Muôn việc lúc rảnh rỗi cần phải giải quyết cho xong, đến khi mê loạn mới đắc dụng ! phải có ít nhiều sức tỉnh giác, chờ đợi sắp khát mới đào giếng. Trói tay khóa chân lại gặp chỗ cọp sói đuổi cắn làm sao chạy tránh, đường trước tối tăm ? Tín thí cúng cơm trắng thịt tươi, bây giờ bị dùi bị đánh, khổ thay ! khổ thay !

Ngày thường chỉ học tam muội (Chánh định) ở ngoài miệng. Nói thiên nói đạo, nạt Phật trách Tổ, đến chỗ này rồi hoàn toàn dùng không được. Ngày thường chỉ nhằm lừa người, đâu biết đến nay là tự dối mình. Trong địa ngục A-tỳ quyết định không thể tha ông.

Nay sắp chìm trong thời mạt pháp, cốt phải nhờ sức mạnh của mình. Chư huynh đệ ! Cố gắng gánh vác huệ mạng Phật tiếp nối chớ để đoạn dứt. Thời nay vừa có một người, nửa người đi hành khước, cốt đi để xem sơn ngoạn cảnh, không biết tháng ngày đâu có chờ ta, một hơi thở ra không trở lại đã qua đời khác, chưa biết cái gì là đầu mặt. Than ôi ! Khuyến các huynh đệ khi thân thể còn cường tráng, phải nhận được cái chỗ thấu hiểu của mình, không bị người lừa là một phần việc lớn. Cái then chốt này rất là dễ dàng, tại tự ông không chịu nhận thôi.

Người có chí liệu chết thực tập công phu, chỉ ngại đạo khó hiểu rõ, khó đạt được. Đâu thể dạy ông biết được trên cây tự sanh bấp trầm. Ông phải tự khéo chuyển biến mới được. Nếu là bậc trượng phu khán công án, như có vị Tăng hỏi Triệu Châu : “Con chó có Phật tánh hay không ?”. Châu đáp : “Không”. Kia đi rồi, trong mười hai giờ khán một chữ “Không”. Ngày tham, đêm tham, đi đứng ngồi nằm, chỗ mặc y ăn cơm, chỗ đi tiểu đi đại, tâm tâm xem nhau, chăm bẵm tỉnh sáng, chỉ giữ một chữ “Không”. Lâu ngày dài tháng đập thành một khối, bỗng nhiên tâm hoa tự sanh, ngộ được máu màu của Phật, Tổ bèn không bị Lão Hòa Thượng đầu lưỡi lừa, liền hội mở đại khẩu.

Tổ Đạt Ma từ Ấn Độ sang không gió nổi sóng. Thế Tôn giờ cành hoa cả hội đều ngơ ngác. Đến được chỗ ấy nói gì lão Diêm La, đến ngàn thánh còn không bị được ông. không tin đạo, hẳn có nhóm kỳ đặc rất tốt như thế, việc chỉ sợ người có tâm.

Tụng :

Trần lao quýnh thoát sự phi thường

Hệ bã thăng đầu tổ nhất trường

Bất thị nhất phiên hàn triệt cốt

Tranh đặc mai hoa phúc tử hương.

Dịch :

**Vượt khỏi trần lao việc chẳng thường
Đầu dây nắm chặt giữ lập trường
Chẳng phải một phen xương lạnh buốt
Hoa mai đâu dễ ngửi mùi hương.**



TIỂU SỬ NGÀI HOÀNG BÁ

Ngài hiệu Hy Vận, người tỉnh Mân (tỉnh Phước Kiến), Hồng Châu, thuở nhỏ xuất gia tại bốn châu trên núi Hoàng Bá. Trên trán Ngài có cục thịt nổi vun lên như hạt châu, âm thanh trong trẻo, ý chí đậm bạc.

Đi dạo núi Thiên Thai, Ngài gặp một vị Tăng nói chuyện với nhau như đã quen biết từ xưa, nhìn kỹ là người Mục quang xạ. Hai người cùng đi gặp khe suối, nước đầy chảy mạnh, Ngài lột mũ chống gậy dừng lại, vị Tăng kia thúc Ngài đồng qua.

Ngài bảo :

- Huynh cần qua thì tự qua.

Vị Tăng kia liền vén y bước đi trên sóng như đi trên đất bằng. Qua đến bờ vị Tăng kia xây lại hỏi :

- Qua đây ! Qua đây !

Ngài bảo :

- Dốt ! Ấy tự rõ. Tôi sớm biết sẽ chặt bấp đùi anh.

Vị Tăng kia khen :

- Thật là pháp khí Đại thừa, tôi không bì kịp.

Nói xong không thấy vị Tăng ấy nữa.

Sau Ngài đến kinh đô nhờ người mách đến tham với Tổ Bá Trượng.

Ngài hỏi Bá Trượng :

- Từ trước Tông thừa chỉ dạy thế nào ?

Bá Trượng lặng thinh. Ngài thưa :

- Không thể dạy người sau dứt hẳn mắt.

Bá Trượng bảo :

- Sẽ nói riêng với ông.

Bá Trượng đứng dậy đi vào phương trượng.

Ngài cũng đi theo sau thưa :

- Con đến riêng một mình.

Bá Trượng bảo :

- Nếu vậy ông sau sẽ không cô phụ ta.

Một hôm Bá Trượng hỏi :

- Ở đâu đến đây ?

Ngài đáp :

- Nhỏ nằm dưới Đại Hùng đến.

Bá Trượng lại hỏi :

- Lại thấy đại trùng chằng ?

Ngài bèn làm tiếng cọt rổng. Bá Trượng cầm búa thủ thế.

Ngài liền vỗ vào chân Bá Trượng một cái. Bá Trượng cười to bỏ đi.

Bá Trượng thượng đường bảo đại chúng :

- Dưới núi Đại Hùng có một đại trùng các ông nên xem. Lão Bá Trượng này hôm nay đích thân bồng gập và bị cắn một cái.



Lúc Ngài ở chỗ Tổ Nam Tuyên, một hôm toàn chúng đi hái trà. Nam Tuyên hỏi : “Đi đâu ?”

Ngài thưa :

- Đi hái trà.

Nam Tuyên hỏi :

- Đem cái gì hái ?

Ngài đưa con dao lên.

Nam Tuyên bảo :

- Đại gia hái trà đi.

Một hôm Nam Tuyên bảo Ngài :

- Lão Tăng ngẫu hứng làm bài ca “Chăn trâu”, mời Trưởng Lão hòa.

Ngài thưa :

- Tôi tự có thầy rồi.

Ngài từ giả đi nơi khác, Nam Tuyên tiến đến cổng, cầm chiếc mũ của Ngài đưa lên hỏi :

- Trường Lão thân to lớn mà chiếc mũ rất nhỏ vậy ?

Ngài thưa :

- Tuy nhiên như thế, đại thiên thế giới đều ở trong ấy.

Nam Tuyên bảo :

Vương lão sư vậy.

Ngài bèn đội mũ ra đi.



Sau, Ngài ở Hồng Châu chùa Đại An, đồ chúng tìm đến rất đông.

Tướng quốc Bùi Hưu trấn Uyển Lăng lập Đại thiên uyển thỉnh Ngài đến thuyết pháp. Vì Ngài quá mến núi cũ nên để hiệu Hoàng Bá.

Một hôm, thượng đường đại chúng vân tập, Ngài bảo :

Toàn là bọn ăn hèm, thế mà xưng hành khước để cho người chê cười. Chỉ cam thấy một ngàn tám trăm người đi chớ không chịu sự ồn náo. Tôi khi đi hành khước hoặc gặp dưới rễ cỏ có một cái ấy là đem hết tâm tư mà xem nó. Nếu biết ngửa ngáy khả dĩ lấy đây dựng gạo cúng dường. Trong lúc đó, nếu dễ dàng như các ông hiện giờ thì làm gì có việc ngày nay. Trong nước Đại Đường chẳng có thiên sư sao ?

Có một vị Tăng ra hỏi :

- Bậc Tôn túc ở các nơi họp chúng chỉ dạy, tại sao nói không Thiên sư ?

Ngài bảo :

- Chẳng nói không Thiên, chỉ nói không Sư. Xà lê chẳng thấy sao, dưới Mã Tổ Đại Sư có tám mươi tám (bốn) người ngồi đạo tràng, song được chánh nhãn của Mã Tổ chỉ có hai ba người, Hòa Thượng Lô Sơn là một trong số ấy.

Phàm người xuất gia phải biết có sự phân từ trước lại. Và như, dưới Tứ Tổ, Đại Sư Ngưu Đầu Pháp Dung nói ngang vẫn chưa biết then chốt hướng thượng, có con mắt trí này mới biện được tông đảng tà chánh. Người hiện giờ không hay thế hội, chỉ biết học ngôn ngữ, nghĩ đến những việc trong đây da xung là ta hội Thiên. Nó có thể thay ông việc sanh tử chăng ?

Khinh thường bậc lão túc vào địa ngục nhanh như tên bắn. Tôi vừa thấy người vào đến cửa liền biết được ông rồi. Lại biết chăng ? Cần kíp cố gắng, chớ có dung dị. Mặc y ăn uống mà để một đời luống qua, người trí chê cười.

Ông thời gian sau hẳn sẽ bị người tục lồi đi, phải tự xem xa gần cái gì là việc trên mặt. Nếu hội tức là hội, nếu không hội thì giải tán đi.

Sư Lâm Tế Nghĩa Huyền đến hỏi :

- Thế nào ý Tổ từ Ấn Độ sang ?

Ngài liền đập một gậy. Đến ba phen hỏi đều bị đập một gậy. Sau cùng Sư Lâm Tế từ giã Ngài đi nơi khác. Ngài dạy qua tham vấn Đại Ngu. Sau này Sư Lâm Tế đắc ngộ ý chỉ của Ngài. Chỗ chỉ dạy của Ngài đều nhắm vào bậc thượng căn, người trung và người hạ khó thấy được yếu chỉ.

Đời Đường khoảng niên hiệu Đại Trung (847-860 TL), Ngài tịch ở núi Hoàng Bá. Nhà vua sắc thụy là Đoạn Tế Thiên Sư, tháp hiệu Quảng Nghiệp.

